

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẠI LÝ LIÊN HIỆP VẬN CHUYỂN

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 9
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	10 - 11
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	12 - 15
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	16
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	17 - 18
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	19 - 60
8. Phụ lục	61 - 67

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Gemadept trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Gemadept và Báo cáo tài chính của các công ty con (gọi chung là Tập đoàn) đã được kiểm toán.

Khái quát về Tập đoàn

Công ty mẹ

Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển (tên viết tắt là Công ty cổ phần Gemadept) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301116791 (số cũ là 059080) đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 11 năm 1993 và đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 18 tháng 9 năm 2014 do Sứ Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 1.161.379.940.000 VND

Số cổ phiếu: 116.137.994 cổ phiếu

Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu

Cổ phiếu của Công ty cổ phần Gemadept đã được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh từ ngày 08 tháng 3 năm 2002 với mã chứng khoán là GMD.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại : (84-8) 38 236 236

Fax : (84-8) 38 235 236

E-mail : info@gemadept.com.vn

Mã số thuế : 0 3 0 1 1 1 6 7 9 1

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp vận tải tàu biển Hữu Nghị	Số 2A - 4A Tôn Đức Thắng, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp vận tải Thái Bình Dương	Lầu 15, số 35 Nguyễn Huệ, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Đà Nẵng	Số 39 Quang Trung, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
Chi nhánh Cần Thơ	47/11A Lê Hồng Phong, TP. Cần Thơ
Chi nhánh Vũng Tàu	Phường 7, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Chi nhánh Campuchia	Số 193C đại lộ Mao Tse Toung, Chamcamon, Phnom Penh, Campuchia

Công ty cổ phần Gemadept kiên định với chiến lược phát triển các ngành nghề kinh doanh cốt lõi bên cạnh việc tiến hành đa dạng hóa ngành nghề một cách có chọn lọc. Các lĩnh vực kinh doanh của Công ty cổ phần Gemadept bao gồm: khai thác cảng, logistics, trồng rừng và bất động sản.

- Khai thác cảng: Khai thác hệ thống cảng trải dọc từ Bắc chí Nam, tại các thành phố lớn và các vùng kinh tế trọng điểm: cảng Phước Long, cảng Nam Hải, cảng Nam Hải Đinh Vũ, cảng Dung Quất, cảng Bình Dương; Đầu tư vào dự án cảng nước sâu Gemalink Cái Mép và cảng Gemadept Hoa Sen.
- Logistics: Trung tâm phân phối; Vận tải container chuyên tuyến; Vận tải hàng siêu trường siêu trọng; Vận tải đa phương thức; Quản lý tàu và thuyền viên; Đại lý giao nhận; Ga hàng hóa hàng không...
- Trồng rừng: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cây cao su và cây công nghiệp tại Campuchia.
- Bất động sản: Xây dựng và khai thác các trung tâm thương mại, khách sạn, cao ốc văn phòng ở các thành phố lớn tại Việt Nam và khu vực Đông Dương bao gồm: dự án Khu phức hợp Saigon Gem và dự án Khu phức hợp tại Viêng Chăn – Lào.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Công ty con

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Lĩnh vực kinh doanh</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	Bến số 1 – Cảng tổng hợp Dung Quất, xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.	Đầu tư và khai thác cảng biển; Kinh doanh vận tải đa phương thức; Kinh doanh vận tải khai thác bến bãi container và các dịch vụ liên quan; Thực hiện dịch vụ đại lý và môi giới hàng hải; Kinh doanh dịch vụ đại lý vận tải giao thông nhận hàng hóa bằng đường biển và hàng không; Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa; Dịch vụ vận chuyển hàng hóa bằng đường sông, đường biển, đường bộ; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng – công nghiệp và công trình giao thông đường bộ; Dịch vụ lai dắt, hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Dịch vụ cung ứng tàu biển; Dịch vụ kê khai hải quan.	81,60%	81,60%
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M	Lầu 22 Tòa nhà Gemadept, số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Khai thác bến bãi container; Dịch vụ môi giới hàng hải; Dịch vụ giao nhận, vận chuyển, xếp dỡ hàng hóa, đại lý vận tải; Mua, bán, cho thuê tàu, container, máy móc, thiết bị hàng hải; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp.	100,00%	100,00%
Gemadept (Malaysia) Ltd.	No.49B, Jalan Cunga, 42000 Port Klang, Selangor Darul Ehsan, Malaysia.	Đại lý hàng hải, tiếp thị cho các sản phẩm dịch vụ của Gemadept tại Malaysia; Huy động vốn cho các dự án về cơ sở hạ tầng hàng hải; Môi giới, giới thiệu nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào các dự án hàng hải, khu công nghiệp, hạ tầng giao thông tại Việt Nam.	100,00%	100,00%
Gemadept (Singapore) Ltd.	120 Lower Delta Road, #15-14/15 Cendex Centre, Singapore.	Đại lý hàng hải, khai thác tàu; Tiếp thị cho các sản phẩm dịch vụ của Gemadept tại Singapore; Huy động vốn cho các dự án về cơ sở hạ tầng hàng hải; Môi giới, giới thiệu nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào các dự án hàng hải, khu công nghiệp, hạ tầng giao thông tại Việt Nam.	100,00%	100,00%
Grand Pacific Shipping Pte. Ltd.	120 Lower Delta Road, #11-01/04 Cendex Centre, Singapore.	Cho thuê tàu và dịch vụ giao nhận, vận chuyển.	100,00%	100,00%
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội	Số 98 Phạm Hùng, phường Lý Thường Kiệt, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam.	Đầu tư và khai thác cảng biển; Khai thác vận tải đa phương thức; Đại lý và môi giới hàng hải, hàng không; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp.	53,20%	53,20%
Công ty TNHH cảng Phước Long	Lầu 19 Tòa nhà Gemadept, số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Kinh doanh vận tải đa phương thức, khai thác bến bãi thực hiện nhiệm vụ đại lý và môi giới hàng hải, kinh doanh dịch vụ đại lý vận tải, giao nhận; Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa; Mua bán cho thuê tàu - container - máy móc - thiết bị hàng hải;	100,00%	100,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Lĩnh vực kinh doanh</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH ISS - Gemadept	Số 8, đường Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Đầu tư xây dựng và khai thác cầu cảng, bến bãi; Đóng mới, sửa chữa các phương tiện vận tải thủy biển. Cung cấp dịch vụ đại lý tàu biển bao gồm: thu xếp nơi neo đậu cho các tàu cập cảng tại Việt Nam; Dịch vụ thông quan cho các tàu ra vào cảng; Cung cấp dịch vụ đại lý cho vận tải đường biển bao gồm: dịch vụ giao nhận hàng hóa trên cơ sở hợp đồng vận chuyển bằng đường biển hoặc hợp đồng vận chuyển đa phương thức; khai thuế hải quan; Chuẩn bị tài liệu liên quan đến chứng từ vận tải (doanh nghiệp không trực tiếp tham gia vận tải hàng hóa và thực hiện các hoạt động thương mại).	51,00%	51,00%
Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	Lô J1, đường số 8, Khu công nghiệp Sóng Thần 1, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Xây dựng hệ thống kho logistics và kho lạnh theo tiêu chuẩn châu Âu nhằm cung cấp các dịch vụ giao nhận, phân phối, lưu giữ, bảo quản, đóng gói hàng lạnh và hàng bách hóa.	100,00%	100,00%
Công ty TNHH vận tải Liên Ước	2A-4A Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Dịch vụ giao nhận và bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ đại lý vận tải đường biển và đại lý tàu biển; Dịch vụ xếp dỡ container; Dịch vụ thông quan; Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy nội địa.	51,00%	51,00%
Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển – Vũng Tàu	Số 1/1A Phạm Hồng Thái, phường 7, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; Xây dựng bến cảng; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ cho vận tải; Dịch vụ đại lý tàu biển; Dịch vụ cung ứng tàu biển; Dịch vụ môi giới hàng hải; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy, ven biển và viễn dương; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.	70,00%	70,00%
Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen - Gemadept	Đường số 2B, khu công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, Việt Nam.	Làm cảng cạn (ICD), hệ thống kho bãi, kho trung chuyển container, kho hàng lẻ (CFS), đầu mối trung chuyển và hàng chuyển phát nhanh.	51,00%	51,00%
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadept	Số 142, đường Nguyễn Thông, phường 3, TP. Tân An, tỉnh Long An, Việt Nam.	Khai thác bến bãi container và các dịch vụ liên quan xây dựng cơ sở hạ tầng, công nghiệp, khu công nghiệp, dân cư, cầu cảng, bến bãi, dịch vụ vận chuyển hàng hóa bằng đường sông, đường biển, hàng không, đóng mới sửa chữa các phương tiện vận tải thủy, biển.	50,00%	50,00%
Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	619B + 620 + 621, tầng 6, lô 20A, tòa nhà TD Business Center, đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng,	Tổ chức kinh doanh vận tải đa phương thức, kinh doanh vận tải khai thác bến bãi container và các dịch vụ liên quan, thực hiện nhiệm vụ đại lý và môi giới hàng hải, kinh doanh dịch vụ đại lý vận tải giao nhận hàng hóa bằng đường sông - đường	100,00%	100,00%

104498
CÔNG
+ NHIỆM
TOÀN VÀ
A &
VH-TPV

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Lĩnh vực kinh doanh</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ	Việt Nam. Khu phố 7, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	biển - hàng không; Mua bán, cho thuê tàu container – máy móc – thiết bị hàng hải. Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ; Gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ đại lý tàu biển.	46,00%	54,00%
Công ty cổ phần cảng Nam Hải	Số 201, phường Máy Chai, đường Ngô Quyền, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, bến cảng, nhà các loại; Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải; Vận tải hàng hóa đường bộ, đường thủy; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Xây dựng bến bãi, công trình công nghiệp; Vận tải hàng hóa; Kho bãi, bốc xếp và lưu giữ hàng hóa.	99,98%	99,98%
Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hải Thái Bình Dương	Lầu 21 tòa nhà Gemadept, số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (trừ kinh doanh bến bãi); Bốc xếp hàng hóa.	100,00%	100,00%
Công ty TNHH một thành viên Logistics Biển Sáng	Lầu 20, Tòa nhà Gemadept, số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương, hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt, đường bộ và đường thủy, vận tải và bốc xếp hàng hóa bằng đường bộ.	100,00%	100,00%
Công ty TNHH dịch vụ tin học Vĩ Tin	Lầu 2, Tòa nhà Gemadept, số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Lập trình máy tính, cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin và các dịch vụ khác liên quan đến máy tính, tư vấn máy tính và quản trị hệ thống máy tính.	100,00%	100,00%
Công ty TNHH một thành viên công nghiệp cao su Thái Bình Dương	Lầu 19 tòa nhà Gemadept, số 2Bis-4-6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Trồng cây cao su; Sản xuất gỗ xây dựng (không hoạt động tại trụ sở); Trồng rừng và chăm sóc rừng; Khai thác gỗ; Sản xuất sản phẩm khác từ cao su (không hoạt động tại trụ sở); Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (trừ bán buôn phế thải, phế liệu, thuốc trừ sâu, hóa chất sử dụng trong nông nghiệp).	100,00%	100,00%
Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương (Pacific Pearl Joint Stock Company Limited)	193C Mao Tse Toung Biv., Chamcarmon Dist., Phnom Penh City, Cambodia.	Trồng rừng và khai thác rừng, cây công nghiệp; Sản xuất và kinh doanh hàng hóa, dịch vụ khác (ngoại trừ những ngành liên quan đến tài chính).	100,00%	100,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Lĩnh vực kinh doanh</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty cổ phần hoa sen Thái Bình Dương (Pacific Lotus Joint Stock Company Limited)	193C Mao Tse Toung Blv., Chamcarmon Dist., Phnom Penh City, Cambodia.	Trồng rừng và khai thác rừng, cây công nghiệp; Sản xuất và kinh doanh hàng hóa, dịch vụ khác (ngoại trừ những ngành liên quan đến tài chính).	100,00%	100,00%
Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ	Km số 6 Đường Đình Vũ, phường Đông Hải, quận Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam.	Hoạt động vận tải và dịch vụ bốc xếp, kho bãi và dịch vụ khác.	84,66%	84,66%

Công ty liên kết, liên doanh

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Lĩnh vực kinh doanh</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH thương mại Quả cầu vàng	Số 117 Lê Lợi, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Kinh doanh nhà ở; Tổ chức hội nghị, hội thảo; Mua bán thiết bị văn phòng, máy vi tính và phụ kiện, văn phòng phẩm, đồ dùng cá nhân và gia đình (trừ súng, đạn thể thao); Kinh doanh vận chuyển hàng hóa bằng ô tô và đường thủy theo hợp đồng.	45,00%	45,00%
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu	Số 973 đường 30/4, phường 11, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.	Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng thay thế, nguyên nhiên liệu phi nông nghiệp; Mua bán cá và thủy sản; Mua bán xe có động cơ (cũ và mới); Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ; Mua bán đồ uống; Mua bán nông, lâm sản nguyên liệu, động vật sống; Dịch vụ kho vận, kho ngoại quan; Dịch vụ cung ứng tàu biển, đại lý tàu biển, bốc xếp hàng hóa, dịch vụ khai thuê hải quan; Sửa chữa và sửa chữa tàu thuyền; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, lắp đặt trang thiết bị cho các công trình xây dựng.	26,78%	26,78%
Công ty TNHH Molenbergnatie – Gemadept Việt Nam	Lô J1, đường số 8, khu công nghiệp Sóng Thần 1, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	Dịch vụ cho thuê kho cho các nhà xuất khẩu cá phê và hàng nông sản Việt Nam dưới hình thức kho “bảo đảm thanh toán”.	49,00%	49,00%
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm	Khu phố Hải Tân, thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.	Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch; Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ, kinh doanh vũ trường, phòng hát karaoke, bãi biển, dịch vụ xông hơi, xoa bóp; Mua bán quần áo may sẵn, quần áo thể thao, đồ dùng cá nhân, đồ trang sức; Vận tải hành khách theo hợp đồng, kinh doanh lữ hành, nội địa, quốc tế.	40,00%	40,00%
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	Số 112 đường Ngô Quyền, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng,	Dịch vụ kho bãi, tiếp nhận hàng hóa; Vận tải đường thủy, đường bộ, vận chuyển, xếp dỡ hàng siêu trường, siêu trọng; Gia công	38,03%	38,03%



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Lĩnh vực kinh doanh</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
	Việt Nam.	cơ khí các thiết bị điện, các thiết bị dân dụng và công nghiệp; Kinh doanh cơ sở hạ tầng; Kinh doanh bất động sản, nhà ở; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Dịch vụ khai thuê hải quan.		
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn	Số 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Đại lý kinh doanh xăng dầu; Thi công xây dựng cầu cảng, công trình dân dụng – công nghiệp; Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ôtô; Dịch vụ giao nhận, bốc xếp hàng hóa; Hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan.	29,43%	29,43%
Công ty cổ phần liên hợp thực phẩm	Số 267 đường Quang Trung, phường Quang Trung, quận Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam.	Công nghiệp bia, nước giải khát, rượu, bánh, mứt các loại; Chế biến kinh doanh thực phẩm chất lượng cao từ nông sản; Dịch vụ ăn uống, phục vụ hội nghị; Bán buôn, bán lẻ hàng hóa thực phẩm và công nghệ thực phẩm.	26,56%	26,56%
Công ty TNHH Golden Globe	Bản Sibunhuong, quận Chanthabouly, Thủ đô Viengchan, Lào.	Xây dựng trung tâm thương mại; Dịch vụ cho thuê văn phòng, căn hộ và khách sạn 5 sao.	40,00%	40,00%
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link	Xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam.	Xây dựng, trang bị và vận hành một cảng container trên sông Cái Mép – Thị Vải.	50,00%	50,00%
Công ty TNHH OOCL Logistics (Việt Nam)	Tầng 13 tòa nhà Sài Gòn Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Dịch vụ đại lý vận tải biển, giao nhận hàng hóa, môi giới hàng hải, cho thuê kho bãi, cung cấp dịch vụ quản lý kho.	49,00%	49,00%
Công ty TNHH tiếp vận “K” Line - Gemadept	Số 2Bis-4-6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Dịch vụ vận tải bộ, kho bãi,...	50,00%	50,00%

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Tập đoàn

Trong năm, Công ty cổ phần Gemadept đã tăng vốn điều lệ từ 1.144.216.690.000 VND lên 1.161.379.940.000 VND do phát hành cổ phiếu theo chương trình phúc lợi bằng cổ phiếu cho người lao động trong Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 128/GMD-ĐHĐCD ngày 29 tháng 5 năm 2013.

Ngoài ra, Công ty cổ phần Gemadept cũng đã chuyển nhượng toàn bộ vốn góp tại Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Vietnam cho đối tác Schenker (Asia Pacific) Pte., Ltd. (Cộng hòa liên bang Đức), chuyển nhượng 85% phần vốn góp tại Công ty TNHH cao ốc hàng hải cho các đối tác CJ Cheil Jedang Corporation, CJ CGV Co., Ltd, CJ O Shopping Co., Ltd và CJ Korea Express Corporation và chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Falcon Hà Đông.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 12 đến trang 67).

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Trong năm, Công ty cổ phần Gemadept đã phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2013 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 27 tháng 5 năm 2014 như sau:

- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (05% lợi nhuận sau thuế)	10.197.593.213 VND
- Trích quỹ dự phòng tài chính (05% lợi nhuận sau thuế)	10.197.593.213 VND
- Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (05% lợi nhuận sau thuế)	10.197.593.213 VND
- Trích quỹ hoạt động của Hội đồng quản trị (03% lợi nhuận sau thuế)	6.118.555.928 VND
- Trích cổ tức năm 2013 (1.200 VND/cổ phiếu)	139.365.592.800 VND
Cộng	176.076.928.367 VND

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Gemadept khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty cổ phần Gemadept trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ tên	Chức vụ
Ông Đỗ Văn Nhân	Chủ tịch
Ông Chu Đức Khang	Phó Chủ tịch
Ông Đỗ Văn Minh	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Huy	Thành viên
Ông Phạm Hồng Hải	Thành viên
Ông Vũ Ninh	Thành viên
Bà Nguyễn Minh Nguyệt	Thành viên
Bà Bùi Thị Thu Hương	Thành viên
Ông Phạm Tiến Tịnh	Thành viên
Ông Phan Thanh Lộc	Thành viên
Ông Bolat Duisenov	Thành viên

Ban kiểm soát

Họ tên	Chức vụ
Ông Lưu Tường Giai	Trưởng ban
Bà Vũ Thị Hoàng Bắc	Thành viên
Ông Trần Đức Thuận	Thành viên
Bà Trần Thanh Thủy	Thành viên
Bà Phan Cẩm Ly	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Họ tên	Chức vụ
Ông Đỗ Văn Minh	Tổng Giám đốc
Ông Chu Đức Khang	Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Gemadept

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Gemadept chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Gemadept phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty cổ phần Gemadept đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Gemadept cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Gemadept phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2015





Số: 0468/2015/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ LIÊN HIỆP VẬN CHUYÊN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyên (viết tắt là Công ty cổ phần Gemadept) bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyên (Công ty mẹ) và Báo cáo tài chính của các công ty con (danh sách công ty con được trình bày ở thuyết minh 1.5) (gọi chung là Tập đoàn), được lập ngày 20 tháng 3 năm 2015, từ trang 12 đến trang 67, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyên chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyên xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyên cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0100-2013-008-1

Nguyễn Thị Phước Tiên - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1199-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2015



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.852.182.834.679	2.299.989.349.004
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	943.317.929.162	470.211.689.829
1. Tiền	111		462.812.338.185	416.419.475.044
2. Các khoản tương đương tiền	112		480.505.590.977	53.792.214.785
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		596.435.977.429	553.062.558.519
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	709.098.882.680	659.647.123.533
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(112.662.905.251)	(106.584.565.014)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.071.258.589.478	1.026.296.315.546
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	372.508.287.101	303.206.463.452
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	176.014.823.672	257.472.884.375
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	559.962.183.553	480.215.967.567
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(37.226.704.848)	(14.598.999.848)
IV. Hàng tồn kho	140		91.266.054.783	113.290.893.408
1. Hàng tồn kho	141	V.8	91.266.054.783	113.290.893.408
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		149.904.283.827	137.127.891.702
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	10.662.329.481	17.590.855.607
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		33.606.507.990	22.866.659.764
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.10	18.638.430.657	12.888.036.619
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.11	86.997.015.699	83.782.339.712

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.327.599.648.250	5.308.921.839.708
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		138.800.000.000	111.000.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.12	138.800.000.000	111.000.000.000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		3.260.291.389.962	2.989.533.565.267
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.13	2.203.279.354.846	2.029.757.418.841
<i>Nguyên giá</i>	222		3.626.381.678.194	3.241.651.167.775
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.423.102.323.348)	(1.211.893.748.934)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.14	14.392.730.508	-
<i>Nguyên giá</i>	225		14.592.547.596	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(199.817.088)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.15	243.238.161.793	276.922.095.469
<i>Nguyên giá</i>	228		263.960.390.873	294.675.313.738
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(20.722.229.080)	(17.753.218.269)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.16	799.381.142.815	682.854.050.957
III. Bất động sản đầu tư	240	V.17	-	215.417.919.619
<i>Nguyên giá</i>	241		-	279.448.439.795
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	(64.030.520.176)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.490.250.243.075	1.517.239.694.437
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.18	1.330.098.083.405	1.293.507.727.752
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.19	278.376.057.558	276.417.041.600
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.20	(118.223.897.888)	(52.685.074.915)
V. Tài sản dài hạn khác	260		244.584.271.342	248.663.765.293
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.21	188.282.319.704	176.658.275.264
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.22	19.787.114.718	34.343.259.379
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.23	36.514.836.920	37.662.230.650
VI. Lợi thế thương mại	269	V.24	193.673.743.872	227.066.895.092
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		8.179.782.482.929	7.608.911.188.712

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		2.960.719.905.650	2.688.205.861.419
I. Nợ ngắn hạn	310		1.169.335.416.918	1.094.285.334.564
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.25	407.459.005.056	515.498.682.855
2. Phải trả người bán	312	V.26	358.990.957.570	292.574.815.239
3. Người mua trả tiền trước	313	V.27	16.602.315.953	13.328.431.132
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.28	40.060.449.883	50.721.039.431
5. Phải trả người lao động	315	V.29	41.445.339.543	31.426.082.553
6. Chi phí phải trả	316	V.30	153.438.690.210	76.502.496.993
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.31	82.002.505.900	104.930.420.581
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.32	56.982.318.300	524.374.258
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.33	12.353.834.502	8.778.991.522
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.791.384.488.732	1.593.920.526.855
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.34	44.120.963.909	51.420.433.253
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.35	1.480.319.700.911	1.268.867.777.909
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.36	12.329.887.999	922.746.832
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.37	254.613.935.913	272.709.568.861
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		4.877.981.107.830	4.484.324.961.601
I. Vốn chủ sở hữu	410		4.877.981.107.830	4.484.324.961.601
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.38	1.161.379.940.000	1.144.216.690.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.38	2.471.474.474.400	2.471.474.474.400
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	V.38	71.797.775.902	71.797.775.902
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.38	38.199.702.355	24.450.838.240
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.38	6.601.255.841	7.233.118.655
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.38	44.898.642.012	34.781.898.799
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.38	52.475.599.954	39.756.761.249
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.38	1.031.153.717.365	690.613.404.356
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.39	341.081.469.449	436.380.365.692
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		8.179.782.482.929	7.608.911.188.712

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	
		Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		2.566.444.483	2.472.510.680
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		3.984.013,22	3.817.510,96
Euro (EUR)		1.182.998,27	934,81
Dollar Singapore (SGD)		401.111,00	30.077,11
Ringit (MYR)		320.561,00	487.312,61
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2015

Trương Như Nguyễn
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

15-0
TV
HỮU
ATUV
C
HỒ CH

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thành Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	3.016.638.415.863	2.528.365.531.335
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	4.033.904.300	3.227.946.110
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	3.012.604.511.563	2.525.137.585.225
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	2.387.502.426.577	2.080.283.794.537
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		625.102.084.986	444.853.790.688
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	665.082.880.451	185.165.382.746
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	251.224.764.878	185.090.837.398
Trong đó: chi phí lãi vay	23		112.637.632.042	115.012.371.047
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	31.770.653.588	24.388.424.627
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	280.474.037.684	232.000.920.911
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		726.715.509.287	188.538.990.498
11. Thu nhập khác	31	VI.7	18.722.436.330	43.505.248.718
12. Chi phí khác	32	VI.8	69.627.692.487	27.539.088.997
13. Lợi nhuận khác	40		(50.905.256.157)	15.966.159.720
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		25.278.290.198	1.033.463.638
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		701.088.543.328	205.538.613.857
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		110.515.706.224	60.433.335.047
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	25.640.598.240	(58.846.585.446)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>564.932.238.864</u>	<u>203.951.864.256</u>
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		33.973.049.163	11.749.197.404
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		530.959.189.701	192.202.666.853
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>4.598</u>	<u>1.698</u>


Trương Như Nguyễn
Người lập biểu


Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng


Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc



Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thành Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		701.088.543.328	205.538.613.857
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		267.460.896.402	247.734.507.599
- Các khoản dự phòng	03	V.3, 7, 20	94.338.802.014	6.038.215.868
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3, 4	29.907.503.984	19.264.170.982
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(662.363.806.811)	(185.777.323.830)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	112.637.632.042	115.012.371.047
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		543.069.570.959	407.810.555.522
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		109.447.972.612	(86.435.607.596)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		22.216.080.200	(26.031.777.096)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(98.463.812.336)	162.219.472.331
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(4.784.895.124)	94.194.031.299
- Tiền lãi vay đã trả	13		(69.517.964.321)	(100.267.280.377)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(121.590.256.792)	(24.858.364.668)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		145.279.745.229	85.691.219.200
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(171.840.821.886)	(110.371.437.732)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		353.815.618.542	401.950.810.883
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(508.346.505.178)	(755.618.935.859)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		11.964.906.352	29.229.401.953
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.774.614.724.549)	(146.351.100.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.707.370.269.641	31.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(129.371.873.500)	(219.535.237.500)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		834.251.783.790	206.472.025.396
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		42.326.847.968	38.803.108.143
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		183.580.704.524	(816.000.737.867)

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thành Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam


BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014


Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		17.163.250.000	49.743.600.000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(2.041.732.000)	(3.743.651.754)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		984.125.538.770	1.268.276.111.215
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(912.624.796.447)	(862.478.338.674)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		(431.318.480)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.38	(150.081.894.251)	(113.293.460.736)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(63.890.952.408)	338.504.260.051
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		473.505.370.658	(75.545.666.933)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	470.211.689.829	545.259.172.382
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(399.131.325)	498.184.380
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	943.317.929.162	470.211.689.829

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2015


Trương Như Nguyễn
Người lập biểu


Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng


Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc



5/2015
CỔ
ĐCH
MTO
A
TINH

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Năm 2014

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển (viết tắt là Công ty cổ phần Gemadept) bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Gemadept (Công ty mẹ) và Báo cáo tài chính của các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

1. **Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ**

: Công ty cổ phần.

2. **Lĩnh vực kinh doanh**

: Khai thác cảng, logistics, bất động sản và trồng rừng.

3. **Ngành nghề kinh doanh**

Tập đoàn kiên định với chiến lược phát triển các ngành nghề kinh doanh cốt lõi bên cạnh việc tiến hành đa dạng hóa ngành nghề một cách có chọn lọc. Các lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn bao gồm: khai thác cảng, logistics, trồng rừng và bất động sản.

- Khai thác cảng: Khai thác hệ thống cảng trải dọc từ Bắc chí Nam, tại các thành phố lớn và các vùng kinh tế trọng điểm: cảng Phước Long, cảng Nam Hải, cảng Nam Hải Đình Vũ; cảng Dung Quất, cảng Bình Dương; Đầu tư vào dự án cảng nước sâu Gemalink Cái Mép và cảng Gemadept Hoa Sen.
- Logistics: Trung tâm phân phối; Vận tải container chuyên tuyến; Vận tải hàng siêu trường siêu trọng; Vận tải đa phương thức; Quản lý tàu và thuyền viên; Đại lý giao nhận; Ga hàng hóa hàng không...
- Trồng rừng: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cây cao su và cây công nghiệp tại Campuchia.
- Bất động sản: Xây dựng và khai thác các trung tâm thương mại, khách sạn, cao ốc văn phòng ở các thành phố lớn tại Việt Nam và khu vực Đông Dương bao gồm dự án Khu phức hợp Saigon Gem, dự án Khu phức hợp tại Viêng Chăn – Lào.

4. **Tổng số các công ty con**

23

Trong đó:

Số lượng các công ty con được hợp nhất

23

5. **Danh sách các công ty con được hợp nhất**

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	Bến số 1 – Cảng tổng hợp Dung Quất, xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.	81,60%	81,60%
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M	Lầu 22 Tòa nhà Gemadept, số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100,00%	100,00%
Gemadept (Malaysia) Ltd.	No.49B, Jalan Cungah, 42000 Port Klang, Selangor Darul Ehsan, Malaysia.	100,00%	100,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Gemadep (Singapore) Ltd.	120 Lower Delta Road, #15-14/15 Cendex Centre, Singapore.	100,00%	100,00%
Grand Pacific Shipping Pte. Ltd.	120 Lower Delta Road, #11-01/04 Cendex Centre, Singapore.	100,00%	100,00%
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadep Nhơn Hội	Số 98 Phạm Hùng, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam.	53,20%	53,20%
Công ty TNHH cảng Phước Long	Lầu 19 Tòa nhà Gemadep, số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100,00%	100,00%
Công ty TNHH ISS - Gemadep	Số 8, đường Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	51,00%	51,00%
Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadep	Lô J1, đường số 8, Khu công nghiệp Sóng Thần 1, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	100,00%	100,00%
Công ty TNHH vận tải Liên Ước	2A-4A Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	51,00%	51,00%
Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển – Vũng Tàu	1/1A Phạm Hồng Thái, phường 7, TP. Vũng Tàu, Việt Nam.	70,00%	70,00%
Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen - Gemadep	Đường số 2B, khu công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, Việt Nam.	51,00%	51,00%
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadep	Số 142, đường Nguyễn Thông, phường 3, TP. Tân An, tỉnh Long An, Việt Nam.	50,00%	50,00%
Công ty TNHH một thành viên Gemadep Hải Phòng	619B + 620 + 621, tầng 6, lô 20A, tòa nhà TD Business Center, đường Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam.	100,00%	100,00%
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ (*)	Khu phố 7, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	46,00%	54,00%
Công ty cổ phần cảng Nam Hải	Số 201, phường Máy Chai, đường Ngô Quyền, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam.	99,98%	99,98%
Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hải Thái Bình Dương	Lầu 21 tòa nhà Gemadep, số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100,00%	100,00%
Công ty TNHH một thành viên Logistics Biển Sáng	Lầu 20, Tòa nhà Gemadep, số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100,00%	100,00%
Công ty TNHH dịch vụ tin học Vĩ Tín	Lầu 2, Tòa nhà Gemadep, số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100,00%	100,00%
Công ty TNHH một thành viên công nghiệp cao su Thái Bình	Lầu 19 tòa nhà Gemadep, số 2 Bis - 4 - 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến	100,00%	100,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thành Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Dương	Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.		
Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương (Pacific Pearl Joint Stock Company Limited)	193C Mao Tse Toung Blv., Chamcarmon Dist., Phnom Penh City, Cambodia.	100,00%	100,00%
Công ty cổ phần hoa sen Thái Bình Dương (Pacific Lotus Joint-Stock Company Limited)	193C Mao Tse Toung Blv., Chamcarmon Dist., Phnom Penh City, Cambodia.	100,00%	100,00%
Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ	Km số 6 Đường Đình Vũ, phường Đông Hải, quận Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam.	84,66%	84,66%

(*) Công ty cổ phần Gemadept nắm quyền kiểm soát Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ do được sự ủy quyền của một số cổ đông để đạt tỷ lệ quyền biểu quyết trong các cuộc họp đại hội đồng cổ đông là 54%.

6. Danh sách các công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH thương mại Quả cầu vàng	Số 117 Lê Lợi, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	45,00%	45,00%
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu	Số 973 đường 30/4, phường 11, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.	26,78%	26,78%
Công ty TNHH Molenbergnatie – Gemadept Việt Nam	Lô J1, đường số 8, khu công nghiệp Sóng Thần 1, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương	49,00%	49,00%
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm	Khu phố Hải Tân, thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam.	40,00%	40,00%
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	Số 112 đường Ngô Quyền, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam.	38,03%	38,03%
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn	Số 30 Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	29,43%	29,43%
Công ty cổ phần liên hợp thực phẩm	Số 267 đường Quang Trung, phường Quang Trung, quận Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam.	26,56%	26,56%
Công ty TNHH Golden Globe	Bản Sibunhuong, quận Chanthabouly, Thủ đô Viengchan, Lào.	40,00%	40,00%
Công ty TNHH OOCL Logistics (Việt Nam)	Tầng 13 tòa nhà Sài Gòn Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	49,00%	49,00%



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Danh sách các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<i>Tên cơ sở kinh doanh</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link (*)	Xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam.	50,00%	50,00%
Công ty TNHH tiếp vận "K" Line – Gemadept	Số 2Bis-4-6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	50,00%	50,00%

(*) Tỷ lệ quyền biểu quyết của Tập đoàn trong Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link là 75%. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Gemadept đồng ý sẽ chuyển 25% cổ phiếu đầu tư trong công ty này sang một đối tác khác. Mặt khác Điều lệ của Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link quy định các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được số cổ đông đại diện cho ít nhất 76% tổng số cổ phần biểu quyết đồng ý thông qua.

8. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Tập đoàn có 1.855 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 1.633 nhân viên).

9. Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Tập đoàn

Trong năm, Công ty cổ phần Gemadept đã tăng vốn điều lệ từ 1.144.216.690.000 VND lên 1.161.379.940.000 VND do phát hành cổ phiếu theo chương trình phúc lợi bằng cổ phiếu cho người lao động trong Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 128/GMD-DHDCĐ ngày 29 tháng 5 năm 2013.

Ngoài ra, Công ty cổ phần Gemadept cũng đã chuyển nhượng toàn bộ vốn góp tại Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Vietnam cho đối tác Schenker (Asia Pacific) Pte., Ltd. (Cộng hòa liên bang Đức), chuyển nhượng 85% phần vốn góp tại Công ty TNHH cao ốc hàng hải cho các đối tác CJ Cheil Jedang Corporation, CJ CGV Co., Ltd, CJ O Shopping Co., Ltd và CJ Korea Express Corporation và chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Falcon Hà Đông.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Gemadept đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 Bộ Tài chính đã ban hành các thông tư sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.
- Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế cho các hướng dẫn liên quan đến lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Các quy định của các thông tư này được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2015 trở đi.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Gemadept (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nằm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thành Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là đơn vị mà Tập đoàn cùng kiểm soát các hoạt động của nó với các bên khác theo thỏa thuận.

Tập đoàn ghi nhận lợi ích của mình trong cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó khoản vốn góp trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của bên góp vốn liên doanh trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh lợi ích của Tập đoàn từ kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát. Tập đoàn ngừng sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày kết thúc quyền đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của công ty con và công ty liên kết tại ngày mua. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Khi bán công ty con và công ty liên kết, giá trị còn lại của lợi thế thương mại liên quan đến các đơn vị này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Giá trị hợp lý thuần của các tài sản và nợ phải trả được xác định bằng giá trị sổ sách. Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Gemadept tin tưởng rằng giá trị sổ sách sẽ không có chênh lệch trọng yếu so với giá trị hợp lý của chúng.

7. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng của các khoản mục trên kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dự phòng hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn trong năm.

9. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng hoặc giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thanh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 40
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 09

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của thiết bị và phương tiện vận tải là 06 năm.

12. Tài sản thuê hoạt động

Tập đoàn là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Tập đoàn là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

13. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của nhà cửa, vật kiến trúc là 25 năm.

14. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được tính khấu hao theo thời hạn thuê đất.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 - 06 năm.

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng, chi phí dự án trồng cao su tại Cambodia, chi phí lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán và đầu tư tài chính dài hạn được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của các công ty trong Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

18. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí nhượng quyền sử dụng đất

Chi phí nhượng quyền sử dụng đất thể hiện khoản tiền thuê đất, các chi phí tư vấn và chi phí khác đã trả cho phân đất Tập đoàn đang sử dụng. Chi phí nhượng quyền sử dụng đất được phân bổ theo thời hạn thuê còn lại là 39 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng (chủ yếu là phụ tùng container, phụ tùng xe nâng, dây cáp thép, vỏ xe,...) được phân bổ vào chi phí trong kỳ từ 02 - 05 năm theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa kho, văn phòng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 02 - 03 năm.

Các chi phí khác

Chi phí khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 02 - 05 năm.

19. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thành Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Trợ cấp thôi việc

Các công ty trong Tập đoàn phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại các công ty trong Tập đoàn từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc đối với thời gian người lao động không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

21. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

22. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông công ty mẹ.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

23. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

24. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng như sau:

	Mục đích
<ul style="list-style-type: none">• Quỹ đầu tư phát triển• Quỹ dự phòng tài chính	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn...; Bù đắp khoản lỗ của các công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị
<ul style="list-style-type: none">• Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Bổ sung vốn điều lệ Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động
<ul style="list-style-type: none">• Quỹ Hội đồng Quản trị	Trả thù lao và phục vụ cho các hoạt động của Hội đồng quản trị

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng thành viên các công ty trong Tập đoàn hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

25. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

26. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi các công ty trong Tập đoàn có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi các công ty trong Tập đoàn mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản và nợ phải trả của các cơ sở ở nước ngoài được qui đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày cuối năm tài chính. Các khoản mục trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được qui đổi sang VND theo tỷ giá bình quân trong năm. Chênh lệch tỷ giá từ việc chuyển đổi Báo cáo tài chính của cơ sở ở nước ngoài được ghi nhận vào nguồn vốn chủ sở hữu (chi tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái). Khi thanh lý khoản đầu tư vào cơ sở ở nước ngoài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái lũy kế liên quan đến cơ sở ở nước ngoài đó được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thành Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày:	31/12/2013:	21.073 VND/USD
		28.892 VND/EUR
		16.497 VND/SGD
		6.368 VND/MYR
		199 VND/JPY
		2.671 VND/HKD
	31/12/2014:	21.354 VND/USD
		25.689 VND/EUR
		16.066 VND/SGD
		6.025 VND/MYR
		178 VND/JPY
		2.724 VND/HKD

27. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.12.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

28. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

29. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

30. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

31. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

32. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	19.456.970.946	32.914.111.138
Tiền gửi ngân hàng	443.237.837.924	380.992.934.358
Tiền đang chuyển	117.529.315	2.512.429.548
Các khoản tương đương tiền ^(*)	480.505.590.977	53.792.214.785
Cộng	<u>943.317.929.162</u>	<u>470.211.689.829</u>

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng.

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	144.874.562.680	144.874.867.330
- Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt ⁽ⁱ⁾	94.971.030.000	94.971.030.000
- Công ty cổ phần thép Thủ Đức	31.490.628.000	31.490.628.000
- Các công ty khác	18.412.904.680	18.413.209.330
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link (xem thuyết minh số V.18)	482.400.000.000	482.400.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác	81.824.320.000	32.372.256.203
- Tiền gửi có kỳ hạn từ trên 03 tháng đến 01 năm	10.000.000.000	10.372.256.203
- Các khoản cho vay	71.824.320.000	22.000.000.000
Cộng	<u>709.098.882.680</u>	<u>659.647.123.533</u>

(i) Cổ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt đang phong tỏa với số lượng là 6.800.000 cổ phiếu.

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(106.584.565.014)	(97.773.145.783)
Trích lập dự phòng bổ sung	(6.078.340.237)	(8.811.419.231)
Số cuối năm	<u>(112.662.905.251)</u>	<u>(106.584.565.014)</u>

4. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Gemadept	125.652.879.292	116.892.812.325
Tại Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	8.674.404.888	11.100.598.088
Tại Gemadept (Malaysia) Ltd.	506.208.450	2.477.903.424
Tại Công ty TNHH cảng Phước Long	51.256.282.340	45.329.636.638
Tại Công ty TNHH ISS – Gemadept	2.282.818.522	1.003.550.076
Tại Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	99.453.267.802	79.636.847.814
Tại Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Gemadept	3.391.369.791	4.591.369.791

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thành Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	9.845.722.343	13.830.752.876
Tại Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ	353.626.254	33.001.430
Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải	37.555.151.389	26.373.156.925
Tại Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hải Thái Bình Dương	83.511.046	132.463.481
Tại Công ty TNHH một thành viên logistics Biển Sáng	-	1.804.370.584
Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ	33.453.044.984	-
Cộng	<u>372.508.287.101</u>	<u>303.206.463.452</u>

5. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Gemadept	63.887.284.261	105.015.382.535
Tại Gemadept (Singapore) Ltd.	517.582.256	630.020.430
Tại Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	21.605.000	276.000.000
Tại Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M	22.000.000	-
Tại Công ty TNHH cảng Phước Long	22.621.673.829	45.045.031.643
Tại Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	17.080.660.696	34.992.510.425
Tại Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept	2.314.947.576	2.314.947.576
Tại Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Gemadept	2.467.480.406	4.441.477.040
Tại Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	432.333.068	157.195.428
Tại Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ	44.295.102.496	42.822.956.496
Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải	539.408.499	991.639.925
Tại Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương	8.339.164.080	17.695.022.334
Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ	13.475.581.505	3.090.700.543
Cộng	<u>176.014.823.672</u>	<u>257.472.884.375</u>

6. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản chi hộ để thực hiện dịch vụ đại lý	38.859.387.177	38.355.134.848
Phải thu các công ty liên kết, hợp tác	17.152.993.140	10.119.900.996
Công ty cổ phần chứng khoán công nghiệp Việt Nam – hợp tác kinh doanh theo nội dung hợp đồng	-	35.000.000.000
Pacific Pride Co., Ltd. – tiền chi hộ	483.970.707.534	323.723.057.223
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.253.460.000	1.446.300.000
Lãi dự thu tiền gửi, cho vay, trái phiếu	4.169.760.983	4.532.536.801
Phải thu về kinh doanh chứng khoán	3.000.000.000	3.000.000.000
Các khoản phải thu khác	11.555.874.719	64.039.037.699
Cộng	<u>559.962.183.553</u>	<u>480.215.967.567</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thành Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán trên 6 tháng đến dưới 01 năm	(6.336.000)	(45.415.094)
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán trên 01 năm đến dưới 02 năm	(30.000)	(376.687.985)
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán trên 02 năm đến dưới 03 năm	(417.480.000)	(144.445.000)
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán từ 03 năm trở lên	(6.253.356.717)	(2.857.606.769)
Dự phòng nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm nhưng khó có khả năng thu hồi	(2.792.724.771)	-
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	(27.756.777.360)	(11.174.845.000)
Cộng	(37.226.704.848)	(14.598.999.848)

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(14.598.999.848)	(16.121.057.208)
Trích lập dự phòng bổ sung	(22.731.440.692)	-
Hoàn nhập dự phòng	9.801.889	1.522.057.360
Xóa nợ	93.933.803	-
Số cuối năm	(37.226.704.848)	(14.598.999.848)

8. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	14.233.713.044	18.617.611.345
Nhiên liệu tồn trên tàu	18.596.038.214	25.357.176.872
Phụ tùng thay thế	11.512.678.478	12.870.374.964
Công cụ dụng cụ	866.011.470	416.545.366
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	39.866.814.580	53.885.452.296
Hàng hóa	6.190.798.997	2.143.732.565
Cộng	91.266.054.783	113.290.893.408

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sửa chữa	4.182.219.846	4.402.538.255
Công cụ, dụng cụ	4.319.626.196	3.813.143.031
Chi phí bảo hiểm	1.262.877.915	1.644.868.638
Chi phí thuê kho bãi	-	6.339.000.000
Các chi phí khác	897.605.524	1.391.305.683
Cộng	10.662.329.481	17.590.855.607

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT nộp thừa	7.604.155.463	1.689.687.641
- Tại Công ty cổ phần Gemadept	3.906.281.223	1.689.687.641
- Tại Công ty TNHH cảng Phước Long	1.968.658.495	-
- Tại Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	1.729.215.745	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	10.274.088.609	10.729.014.585
- Tại Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M	312.855.445	312.855.445
- Tại Công ty cổ phần cảng quốc tế Nhơn Hội	82.656.352	82.656.352
- Tại Công ty TNHH cảng Phước Long	9.878.576.812	9.878.576.812
- Tại Công ty TNHH ISS Gemadept	-	3.271.430
- Tại Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ	-	409.615.942
- Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ	-	42.038.604
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	5.478.799	158.470.282
- Tại Công ty TNHH cảng Phước Long	-	97.304.520
- Tại Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ	-	61.165.762
- Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ	5.478.799	-
Các loại thuế khác	754.707.786	310.864.111
- Tại Công ty cổ phần Gemadept	310.864.111	310.864.111
- Tại Gemadept (Malaysia) Ltd.	443.843.675	-
Cộng	<u>18.638.430.657</u>	<u>12.888.036.619</u>

11. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	72.595.570.946	72.499.805.515
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	14.400.875.503	11.281.964.947
Tài sản thiếu chờ xử lý	569.250	569.250
Cộng	<u>86.997.015.699</u>	<u>83.782.339.712</u>

12. Phải thu dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Sông Hằng – góp vốn hợp tác thực hiện dự án cảng tổng hợp Lê Chân	19.000.000.000	19.000.000.000
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Đông Dương – góp vốn hợp tác thực hiện dự án khu dịch vụ hậu cần Logistics	18.000.000.000	18.000.000.000
Công ty cổ phần Cảng Bình Dương	3.000.000.000	3.000.000.000
Các khoản phải thu dài hạn khác	98.800.000.000	71.000.000.000
Cộng	<u>138.800.000.000</u>	<u>111.000.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Thông tin về tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

Nhà cửa, vật kiến trúc bao gồm giá trị quyền sử dụng đất của 2 căn nhà tại số 39 và 40 Quang Trung, TP. Đà Nẵng chưa được định giá.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 2.462.717.394.457 VND và 1.748.976.435.740 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn (xem thuyết minh số V.25 và V.35).

14. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

	<u>Thiết bị và phương tiện vận tải</u>
Nguyên giá	
Số đầu năm	-
Thuê tài chính trong năm	14.592.547.596
Số cuối năm	<u>14.592.547.596</u>
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	-
Khấu hao trong năm	199.817.088
Số cuối năm	<u>199.817.088</u>
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	-
Số cuối năm	<u>14.392.730.508</u>

15. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Tài sản cố định vô hình khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá				
Số đầu năm	280.879.796.494	13.795.517.244	-	294.675.313.738
Mua sắm mới	-	187.196.130	30.000.000	217.196.130
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành		2.527.161.510	-	2.527.161.510
Kết chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	490.885.056	-	-	490.885.056
Giảm do thoái vốn công ty con	(33.647.925.561)	(302.240.000)	-	(33.950.165.561)
Số cuối năm	<u>247.722.755.989</u>	<u>16.207.634.884</u>	<u>30.000.000</u>	<u>263.960.390.873</u>
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	1.496.353.950	-	1.496.353.950
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	10.002.116.735	7.751.101.534	-	17.753.218.269
Khấu hao trong năm	970.504.963	2.154.577.415	3.333.332	3.128.415.710
Kết chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	17.963.524	-	-	17.963.524
Giảm do thoái vốn công ty con	-	(177.368.423)	-	(177.368.423)
Số cuối năm	<u>10.990.585.222</u>	<u>9.728.310.526</u>	<u>3.333.332</u>	<u>20.722.229.080</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Tài sản cố định vô hình khác</u>	<u>Cộng</u>
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	270.877.679.759	6.044.415.710	-	276.922.095.469
Số cuối năm	236.732.170.767	6.479.324.358	26.666.668	243.238.161.793
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 23.750.403.410 VND và 20.942.777.758 VND đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay ngắn hạn ngân hàng (xem thuyết minh số V.25 và V.35).

16. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Thông tin về tình hình tăng, giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

Các chi phí xây dựng cơ bản dở dang với giá trị là 31.799.789.600 VND đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay ngắn hạn của các công ty trong Tập đoàn (xem thuyết minh số V.25).

17. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là Cao ốc Trung tâm thương mại hàng hải tại số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Chi tiết tình hình tăng, giảm bất động sản đầu tư như sau:

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>
Nguyên giá	
Số đầu năm	279.448.439.795
Giảm do thoái vốn	(279.448.439.795)
Số cuối năm	-
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	64.030.520.176
Khấu hao trong năm	6.096.449.400
Giảm do thoái vốn	(70.126.969.576)
Số cuối năm	-
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	215.417.919.619
Số cuối năm	-

Bất động sản đầu tư bao gồm một số bất động sản cho bên thứ ba thuê. Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ việc cho thuê	40.863.279.838	85.080.591.725
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	16.727.673.800	29.924.958.288
Chi phí trực tiếp không liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thành Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty	Hoạt động chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ lợi ích	Giá trị	Tỷ lệ lợi ích	Giá trị
Công ty TNHH thương mại Quả cầu vàng	Kinh doanh nhà ở	45,00%	49.707.296.396	45,00%	47.557.223.443
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu	Dịch vụ kho vận, ngoại quan	26,78%	11.020.875.417	26,78%	10.803.149.974
Công ty TNHH Molenbergnatie – Gemadept Việt Nam	Dịch vụ cho thuê kho	49,00%	6.022.684.261	49,00%	6.081.407.471
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm	Kinh doanh dịch vụ du lịch	40,00%	15.975.236.427	40,00%	16.456.534.021
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	Dịch vụ vận tải	38,03%	27.215.212.944	38,03%	27.217.215.750
Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Việt Nam ⁽ⁱ⁾	Dịch vụ giao nhận, vận tải	-	-	49,00%	-
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn	Dịch vụ giao nhận hàng hóa	29,43%	153.278.710.032	29,43%	126.103.905.117
Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Falcon Hà Đông ⁽ⁱⁱ⁾	Dịch vụ vận tải	-	-	25,00%	21.140.486.733
Công ty cổ phần liên hợp thực phẩm	Chế biến thực phẩm	26,56%	39.168.884.963	26,56%	42.299.579.831
Công ty TNHH Golden Globe ⁽ⁱⁱⁱ⁾	Xây dựng, cho thuê văn phòng	40,00%	83.745.403.136	40,00%	45.617.683.136
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link ^(iv)	Dịch vụ khai thác cảng	50,00%	942.963.779.829	50,00%	950.010.819.136
Công ty TNHH tiếp vận "K" Line – Gemadept ^(v)	Dịch vụ vận tải bộ, kho bãi,...	50,00%	1.000.000.000	-	-
Công ty TNHH OOCL Logistics Việt Nam	Dịch vụ giao nhận, vận tải	49,00%	-	49,00%	219.723.140
Cộng			1.330.098.083.405		1.293.507.727.752

(i) Trong năm Tập đoàn đã chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Vietnam.

(ii) Giám đốc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp.

(iii) Tăng do góp vốn bổ sung.

(iv) Tập đoàn đã đầu tư vào Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link với tỷ lệ 75% vốn điều lệ. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Gemadept đồng ý sẽ chuyển nhượng 25% cổ phần trong công ty này trong thời gian sắp tới. Vì vậy, khoản đầu tư vào Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link được trình bày ở khoản mục "Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh" với tỷ lệ góp vốn là 50% và khoản mục "Đầu tư ngắn hạn" với tỷ lệ góp vốn là 25% (xem thuyết minh số V.2).

(v) Tăng do đầu tư mới vào Công ty TNHH tiếp vận "K" Line – Gemadept.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thành Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Đầu tư dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư cổ phiếu	165.581.032.000	168.734.041.600
- Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải Việt Nam ⁽ⁱ⁾	165.581.032.000	165.581.032.000
- Công ty cổ phần vận tải đa phương thức ⁽ⁱⁱ⁾	-	3.153.009.600
Đầu tư dài hạn khác	112.795.025.558	107.683.000.000
- Dự án cao ốc văn phòng Falcon Hà Đông ⁽ⁱⁱⁱ⁾	-	32.500.000.000
- Khu dịch vụ hậu cần Logistics Nhơn Trạch- Đồng Nai	36.000.000.000	36.000.000.000
- Công ty cổ phần chứng khoán công nghiệp Việt Nam	31.752.000.000	31.752.000.000
- Công ty TNHH cao ốc hàng hải ^(iv)	37.612.025.558	-
- Các công ty khác	7.431.000.000	7.431.000.000
Cộng	<u>278.376.057.558</u>	<u>276.417.041.600</u>

(i) Toàn bộ cổ phiếu của Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải Việt Nam được cầm cố để đảm bảo các khoản vay của Ngân hàng TNHH một thành viên Shinhan Việt Nam (xem thuyết minh V.25).

(ii) Cổ phiếu Công ty cổ phần vận tải đa phương thức giảm do thoái vốn.

(iii) Giảm do thu hồi khoản đầu tư.

(iv) Chuyển từ đầu tư vào công ty con sang đầu tư dài hạn khác do trong năm Công ty cổ phần Gemadept đã chuyển nhượng 85% phần vốn góp tại Công ty TNHH cao ốc hàng hải cho các đối tác CJ Cheil Jedang Corporation, CJ CGV Co., Ltd, CJ O Shopping Co., Ltd và CJ Korea Express Corporation. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn giữ 15% vốn điều lệ của Công ty TNHH cao ốc hàng hải.

20. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	(113.572.432.000)	(46.307.972.560)
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác	(4.651.465.888)	(6.377.102.355)
Cộng	<u>(118.223.897.888)</u>	<u>(52.685.074.915)</u>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(52.685.074.915)	(53.953.029.717)
Trích lập dự phòng bổ sung	(65.538.822.973)	-
Hoàn nhập dự phòng	-	1.267.954.803
Số cuối năm	<u>(118.223.897.888)</u>	<u>(52.685.074.914)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Giảm khác	Số cuối năm
Quyền thuê đất ⁽ⁱ⁾	-	-	-	-	-
Chi phí nhượng quyền sử dụng đất ⁽ⁱⁱ⁾	161.114.308.111	-	(4.141.012.281)	-	156.973.295.830
Công cụ, dụng cụ	8.417.613.663	7.057.673.142	(5.718.649.385)	(735.165.837)	9.021.471.583
Chi phí sửa chữa kho, văn phòng	615.044.215	8.554.942.615	(1.283.996.121)	-	7.885.990.709
Chi phí trang trí nội thất	1.208.272.104	713.991.975	(1.153.534.356)	-	768.729.723
Chi phí nạo vét bến phao	4.851.605.534	202.051.392	(1.907.721.291)	-	3.145.935.635
Lãi thuê tài chính	-	4.860.332.872	(159.015.127)	-	4.701.317.745
Phần mềm kế toán	75.968.753	-	(60.774.996)	-	15.193.757
Các chi phí khác	375.462.884	7.419.480.690	(1.670.586.168)	(353.972.685)	5.770.384.721
Cộng	176.658.275.264	28.808.472.686	(16.095.289.725)	(1.089.138.522)	188.282.319.704

⁽ⁱ⁾ Quyền thuê đất của Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương và Công ty cổ phần hoa sen Thái Bình Dương tại Cambodia trong 70 năm được chuyển sang trình bày ở chỉ tiêu "Tài sản cố định vô hình".

⁽ⁱⁱ⁾ Chi phí nhượng quyền sử dụng đất của Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ. Quyền sử dụng đất này đã được thế chấp đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng.

22. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	34.343.259.379	3.941.692.861
Phát sinh trong năm	15.636.000.916	30.401.566.518
Hoàn nhập trong năm	(29.876.276.462)	-
Chênh lệch tỷ giá	(315.869.115)	-
Số cuối năm	19.787.114.718	34.343.259.379

23. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ký quỹ tại các nhà cung cấp dịch vụ cho thuê nhà, thuê văn phòng, thuê nhà xưởng	25.011.082.670	29.513.592.590
Ký quỹ hợp đồng bảo lãnh đầu tư	854.160.000	842.920.000
Ký quỹ thuê đất	3.977.823.120	3.925.478.440
Các khoản ký quỹ dài hạn khác	6.671.771.130	3.380.239.620
Cộng	36.514.836.920	37.662.230.650

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

24. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept, Công ty cổ phần cảng Nam Hải và Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ. Chi tiết phân bổ như sau:

Nguyên giá

Số đầu năm	333.931.512.200
Tăng trong năm	786.705.070
Số cuối năm	334.718.217.270

Số đã phân bổ

Số đầu năm	106.864.617.108
Phân bổ trong năm	34.179.856.290
Số cuối năm	141.044.473.398

Giá trị còn lại

Số đầu năm	227.066.895.092
Số cuối năm	193.673.743.872

25. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Công ty cổ phần Gemadept	277.688.542.614	441.102.201.993
Tại Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	18.818.223.625	17.000.000.000
Tại Gemadept (Singapore) Ltd.	29.784.436.080	29.216.187.000
Tại Công ty TNHH cảng Phước Long	1.381.470.565	24.180.293.862
Tại Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ	3.000.000.000	4.000.000.000
Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ	76.786.332.172	-
Cộng	407.459.005.056	515.498.682.855

Chi tiết số phát sinh vay và nợ ngắn hạn:

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	515.498.682.855	491.784.589.720
Số phát sinh vay trong năm	473.087.442.790	642.921.131.748
Tăng khác	-	120.853.141.343
Số trả nợ vay trong năm	(713.314.581.713)	(845.947.706.531)
Kết chuyển từ vay dài hạn sang	128.925.679.884	104.050.038.428
Chênh lệch tỷ giá	3.261.781.240	1.837.488.147
Số dư cuối năm	407.459.005.056	515.498.682.855

Chi tiết các tài sản thế chấp nhằm đảm bảo cho các khoản vay:

- Khoản vay của Công ty mẹ được đảm bảo bằng việc thế chấp các tài sản như sau:
 - Quyền sử dụng đất tọa lạc tại đường Lê Hồng Phong, phường Bình Thủy, TP. Cần Thơ;
 - Cầm cố 13.868.960 cổ phiếu của Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải Việt Nam (MSB).
- Các khoản vay của các Công ty con trong Tập đoàn được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị, phương tiện vận tải thuộc sở hữu của Công ty cổ phần Gemadept và các công ty con trong Tập đoàn (Xem thuyết minh số V.13, V.15, V.16).

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

26. Phải trả cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Gemadept	53.495.003.558	99.961.257.420
Tại Công ty cổ phần cảng Quốc tế Gemadept Dung Quất	2.744.411.438	3.326.312.399
Tại Gemadept (Malaysia) Ltd.	1.500.050.155	3.932.422.380
Tại Gemadept (Singapore) Ltd.	822.258	6.198.480.664
Tại Công ty TNHH cảng Phước Long	16.019.879.520	18.275.274.180
Tại Công ty TNHH ISS - Gemadept	16.987.973	16.987.973
Tại Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	42.309.362.030	25.059.522.745
Tại Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Gemadept	5.422.550.253	5.849.549.994
Tại Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	28.683.280.111	15.234.147.916
Tại Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ	15.948.665.871	21.892.377.440
Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải	14.000.193.314	3.484.986.892
Tại Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hải Thái Bình Dương	5.148.238.601	1.883.249.485
Tại Công ty cổ phần hòn Ngọc Thái Bình Dương	160.375.351.926	65.912.701.110
Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ	13.326.160.563	21.363.158.289
Tại Công ty TNHH cao ốc hàng hải	-	184.386.352
Cộng	<u>358.990.957.570</u>	<u>292.574.815.239</u>

27. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Gemadept	6.509.573.223	9.624.939.603
Tại Công ty TNHH cảng Phước Long	8.366.317	3.666.316,00
Tại Công ty TNHH ISS - Gemadept	8.562.486.340	3.469.123.236
Tại Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	337.169.686	111.784.886
Tại Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	1.161.114.368	109.979.091
Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải	9.002.554	8.938.000
Tại Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hải Thái Bình Dương	589.065	-
Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ	14.014.400	-
Cộng	<u>16.602.315.953</u>	<u>13.328.431.132</u>

28. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.037.493.303	1.689.492.952
Thuế xuất nhập khẩu	-	32.676.644
Thuế thu nhập doanh nghiệp	27.704.946.975	41.293.897.340
Thuế thu nhập cá nhân	5.151.416.395	4.046.510.947
Các loại thuế khác	3.166.593.210	3.658.461.548
Cộng	<u>40.060.449.883</u>	<u>50.721.039.431</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thành Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

29. Phải trả người lao động

Các khoản tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng... còn phải trả cho công nhân viên.

30. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	81.838.142.374	39.334.934.206
Chi phí cho dự án trồng cao su	26.095.292.682	20.472.682.907
Chi phí sửa chữa, xây dựng	11.199.985.042	263.920.471
Chi phí bốc xếp	7.709.785.221	777.356.709
Chi phí hoa hồng	2.591.277.944	1.199.990.579
Chi phí khác	24.004.206.947	14.453.612.120
Cộng	<u>153.438.690.210</u>	<u>76.502.496.993</u>

31. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	497.253.306	589.497.905
Cổ tức phải trả	5.387.708.309	10.040.535.950
Nhận ký quỹ ngắn hạn	4.910.709.761	7.427.574.511
Doanh thu chưa thực hiện	-	571.819.014
Tài sản thừa chờ xử lý	2.181.569.521	4.367.000
Các khoản phải trả khác	69.025.265.004	86.296.626.201
- Các khoản thu hộ phải trả	2.255.470.788	2.278.078.782
- Ông Nguyễn Quốc Cường - tiền chuyển nhượng phần vốn góp trong Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen - Gemadept	-	9.264.678.577
- Khoản phải trả các công ty liên kết, hợp tác	319.160.144	27.170.750
- Phải trả về dịch vụ làm đại lý	51.063.280.026	61.048.433.768
- Các khoản phải trả khác	15.387.354.045	13.678.264.324
Cộng	<u>82.002.505.900</u>	<u>104.930.420.581</u>

32. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng các khoản phải trả liên quan đến những tổn thất phải bồi thường trong quá trình vận chuyển.

33. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	8.778.991.522	11.054.371.008
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	21.648.039.527	13.144.577.558
Tăng khác	-	1.033.586.314
Chi quỹ	(17.526.294.358)	(14.822.827.120)
Giảm khác	(546.902.189)	(1.630.716.238)
Số cuối năm	<u>12.353.834.502</u>	<u>8.778.991.522</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

34. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí thuê đất (*)	43.263.609.726	29.886.063.029
Nhận ký quỹ cho thuê Cao ốc Trung tâm thương mại hàng hải Gemadept tại số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	-	21.534.370.224
Nhận ký quỹ dài hạn khác	857.354.183	-
Cộng	<u>44.120.963.909</u>	<u>51.420.433.253</u>

(*) Các khoản chi phí thuê đất phát sinh tại Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương và Công ty cổ phần hoa sen Thái Bình Dương được phân bổ cho giai đoạn từ năm 2011 lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2014. Các khoản chi phí này sẽ được thanh toán sau thời hạn 5 năm kể từ ngày ký Hợp đồng thuê đất.

35. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Gemadept (*)	903.181.681.890	692.326.571.430
Tại Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	176.000.000.000	196.000.000.000
Tại Gemadept (Singapore) Ltd.	25.104.024.696	53.841.258.900
Tại Công ty TNHH cảng Phước Long	-	308.768.208
Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ	376.033.994.325	326.391.179.371
Cộng	<u>1.480.319.700.911</u>	<u>1.268.867.777.909</u>

(*) Trong đó bao gồm khoản vay chuyển đổi thành cổ phiếu của VI (Vietnam Investments) Fund II, L.P. theo Hợp đồng ngày 18 tháng 6 năm 2012, chi tiết như sau:

Hạn mức vay : USD 40,000,000
Thời gian ân hạn : 05 năm kể từ ngày hợp đồng được ký hợp lệ.
Trả gốc : Tại thời điểm bất kỳ sau 01 năm kể từ ngày hợp đồng này được ký hợp lệ, bên cho vay có quyền nhưng không phải là nghĩa vụ và theo toàn quyền quyết định của bên cho vay, sẽ chuyển đổi toàn bộ hoặc một phần khoản vay (bao gồm gốc và lãi) chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của Công ty cổ phần Gemadept.
Lãi suất : Lãi suất áp dụng đối với khoản cho vay trong thời hạn vay là 6%/năm.
Mục đích vay : + Giải ngân lần 1: Dự án phát triển dịch vụ Logistics; Đầu tư vào dự án Cảng Nam Hải - Đình Vũ.
+ Giải ngân lần 2: Đầu tư xe tải nhỏ; Thực hiện dự án tại Campuchia: dự án trồng rừng.
+ Giải ngân lần 3,4: Sẽ được nhà đầu tư duyệt khi có đề nghị.
Tài sản đảm bảo : Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh đã được bên cho vay và bên vay chỉ định nhận tài sản đảm bảo theo Hợp đồng đại lý nhận tài sản bảo đảm ngày 17 tháng 7 năm 2012, bao gồm:
+ Toàn bộ 999.800 cổ phần của Công ty cổ phần Gemadept trong Công ty cổ phần cảng Nam Hải, tương đương 99,98% số cổ phần đã phát hành và đang lưu thông;
+ Toàn bộ quyền sử dụng đất và công trình xây dựng gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu hợp pháp và duy nhất của Công ty cổ phần cảng Nam Hải.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Ngoài các tài sản thế chấp nêu trên, khoản vay của Công ty cổ phần Gemadept còn được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng Tàu Bunga Mas Tujuh.

Các khoản vay của các Công ty con trong Tập đoàn được đảm bảo bằng việc thế chấp các dự án đầu tư, các máy móc thiết bị và phương tiện vận tải hình thành từ vốn vay và quyền thuê đất trả tiền hàng năm thuộc sở hữu của các công ty trong Tập đoàn (Xem thuyết minh số V.13, V.15).

Kỳ hạn thanh toán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	130.952.238.817	104.050.038.428
Trên 01 năm đến 05 năm	1.408.740.766.318	1.268.867.777.909
Trên 05 năm	71.578.934.593	-
Cộng	<u>1.611.271.939.728</u>	<u>1.372.917.816.337</u>

Chi tiết phát sinh vay và nợ dài hạn

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số dư đầu năm	1.268.867.777.909	759.629.038.217
Số phát sinh vay trong năm	530.490.976.448	625.354.979.467
Số đã trả trong năm	(199.741.533.214)	(16.530.632.143)
Số kết chuyển	(128.925.679.884)	(104.050.038.428)
Chênh lệch tỷ giá	9.628.159.652	4.464.438.796
Số dư cuối năm	<u>1.480.319.700.911</u>	<u>1.268.867.777.909</u>

36. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	922.746.832	29.557.646.064
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	88.478.588.088	-
Hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(77.078.265.394)	(28.445.018.928)
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi	6.818.473	(189.880.304)
Số cuối kỳ	<u>12.329.887.999</u>	<u>922.746.832</u>

37. Doanh thu chưa thực hiện

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi hoãn lại do đánh giá lại tài sản cố định góp vốn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát	245.906.126.459	251.721.416.561
Doanh thu chưa thực hiện	8.707.809.454	20.988.152.300
Cộng	<u>254.613.935.913</u>	<u>272.709.568.861</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

38. **Vốn chủ sở hữu**

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 03 đính kèm.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm Công ty cổ phần Gemadept đã phát hành cổ phiếu phúc lợi cho người lao động năm 2013 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 128/GMD-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 5 năm 2013. Trên cơ sở đó, Công ty cổ phần Gemadept đã ghi nhận tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu 17.163.250.000 VND tương đương với 1.716.325 cổ phiếu.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Trả cổ tức tại Công ty cổ phần Gemadept	149.209.150.400	104.639.975.050
Trả cổ tức tại các công ty con	872.743.851	8.653.485.686
Cộng	<u>150.081.894.251</u>	<u>113.293.460.736</u>

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	116.137.994	114.421.669
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	116.137.994	114.421.669
- Cổ phiếu phổ thông	116.137.994	114.421.669
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	116.137.994	114.421.669
- Cổ phiếu phổ thông	116.137.994	114.421.669
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

39. **Lợi ích của cổ đông thiểu số**

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	436.380.365.692	237.967.811.000
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	33.973.049.163	11.749.197.404
Lợi ích của cổ đông thiểu số do hợp nhất kinh doanh	-	181.443.011.998
Giảm do chia cổ tức, lợi nhuận	(6.875.484.848)	(6.378.820.081)
Giảm lợi ích cổ đông thiểu số do giảm vốn	-	(3.743.651.754)
Giảm do mua lại vốn góp của cổ đông thiểu số	(120.907.039.145)	-
Tăng khác	1.744.587.031	24.277.629.420
Giảm khác	(3.234.008.444)	(8.934.812.295)
Số cuối năm	<u>341.081.469.449</u>	<u>436.380.365.692</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	3.016.638.415.863	2.528.365.531.335
- <i>Doanh thu hoạt động khai thác cảng</i>	1.100.877.450.243	740.468.127.210
- <i>Doanh thu hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, cho thuê tài sản, dịch vụ đại lý</i>	1.874.897.685.782	1.702.816.812.400
- <i>Doanh thu cho thuê văn phòng</i>	40.863.279.838	85.080.591.725
Các khoản giảm trừ (Giảm giá hàng bán)	(4.033.904.300)	(3.227.946.110)
Doanh thu thuần	<u>3.012.604.511.563</u>	<u>2.525.137.585.225</u>
Trong đó:		
- <i>Doanh thu thuần hoạt động khai thác cảng</i>	1.096.843.545.943	737.240.181.100
- <i>Doanh thu hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, cho thuê tài sản, dịch vụ đại lý</i>	1.874.897.685.782	1.702.816.812.400
- <i>Doanh thu thuần cho thuê văn phòng</i>	40.863.279.838	85.080.591.725

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hoạt động khai thác cảng	696.940.209.993	495.445.816.439
Giá vốn hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, cho thuê tài sản, dịch vụ đại lý,...	1.673.834.542.784	1.554.913.019.810
Giá vốn dịch vụ cho thuê văn phòng	16.727.673.800	29.924.958.288
Cộng	<u>2.387.502.426.577</u>	<u>2.080.283.794.537</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	2.273.348.773	1.362.191.282
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	12.731.180.806	2.891.726.460
Lãi đầu tư chứng khoán, cổ tức, lợi nhuận được chia	705.335.000	4.871.262.144
Lãi tiền cho vay	1.117.575.758	4.571.105.398
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	6.137.222.687	3.009.433.910
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	11.340.469.923	4.819.246.356
Lãi thanh lý, chuyển nhượng vốn góp	629.682.292.156	162.975.597.802
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.095.455.348	664.819.394
Cộng	<u>665.082.880.451</u>	<u>185.165.382.746</u>

30/04
CÓP
CH NH
1/10A
A
VH

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	112.637.632.042	115.012.371.047
Chi phí chuyển nhượng vốn	13.087.620.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	36.044.726.671	22.273.604.892
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	17.021.905.237	24.424.060.837
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	188.676.250	15.189.243.890
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	71.617.163.210	7.543.464.428
Chi phí tài chính khác	627.041.468	648.092.304
Cộng	<u>251.224.764.878</u>	<u>185.090.837.398</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.457.472.903	333.362.353
Chi phí khác	28.313.180.685	24.055.062.274
Cộng	<u>31.770.653.588</u>	<u>24.388.424.627</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lương nhân viên quản lý	122.765.073.211	107.465.288.100
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	4.583.630.288	4.446.183.845
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.146.325.815	9.751.011.786
Chi phí dự phòng	22.721.638.803	(1.505.248.560)
Phân bổ lợi thế thương mại	38.838.575.104	39.739.370.034
Chi phí dịch vụ mua ngoài	55.736.504.114	45.352.227.659
Chi phí khác	28.682.290.349	26.752.088.047
Cộng	<u>280.474.037.684</u>	<u>232.000.920.911</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	7.004.906.352	30.161.114.500
Phân bổ doanh thu chưa thực hiện ^(*)	4.070.703.071	4.070.703.071
Thu nhập khác	7.646.826.907	9.273.431.147
Cộng	<u>18.722.436.330</u>	<u>43.505.248.718</u>

(*) Doanh thu chưa thực hiện do đánh giá quyền sử dụng đất khi góp vốn vào Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link phát sinh từ năm 2008 là 283.980.000.000 VND, Tập đoàn phân bổ doanh thu chưa thực hiện trong năm tương ứng với thời gian khấu hao quyền sử dụng đất là 48 năm và 10 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	879.477.209	8.172.296.810
Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	931.712.547
Chi phí dự phòng tổn thất	55.361.948.296	-
Chi phí khác	13.386.266.982	18.435.079.640
Cộng	<u>69.627.692.487</u>	<u>27.539.088.997</u>

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	88.478.588.088	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	29.876.276.462	45.744.034
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(15.636.000.916)	(30.447.310.552)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(77.078.265.394)	(28.445.018.928)
Cộng	<u>25.640.598.240</u>	<u>(58.846.585.446)</u>

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	530.959.189.701	192.202.666.853
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	530.959.189.701	192.202.666.853
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	115.470.824	113.220.210
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>4.598</u>	<u>1.698</u>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	114.421.669	109.447.309
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	1.049.155	3.772.901
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>115.470.824</u>	<u>113.220.210</u>

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	389.291.966.777	365.323.347.341
Chi phí nhân công	241.791.100.516	214.112.461.935
Chi phí khấu hao và lợi thế thương mại phân bổ	253.822.640.868	209.818.415.070
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.720.132.915.809	1.441.882.376.656
Chi phí khác	94.708.493.878	72.143.387.851
Cộng	<u>2.699.747.117.848</u>	<u>2.303.279.988.853</u>

15-C
TY
TƯ VẤN
C
100%

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty cổ phần Gemadept và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt của Công ty cổ phần Gemadept – Công ty mẹ như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	3.064.140.000	3.086.792.000
Thu nhập khác	729.900.000	613.435.295
Cộng	<u>3.794.040.000</u>	<u>3.700.227.295</u>

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH OOCL Logistics Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty TNHH thương mại Quả cầu vàng	Công ty liên kết
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu (VCP)	Công ty liên kết
Công ty TNHH Molenbergnatie - Gemadept Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm	Công ty liên kết
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	Công ty liên kết
Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Vietnam	Công ty liên kết
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hoá Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Falcon Hà Đông	Công ty liên kết
Công ty cổ phần liên hợp thực phẩm	Công ty liên kết
Công ty TNHH Golden Globe	Công ty liên kết
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Công ty TNHH tiếp vận “K” Line - Gemadept	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty TNHH OOCL Logistics Việt Nam</i>		
Doanh thu dịch vụ	11.610.631.526	-
<i>Công ty TNHH Molenbergnatie - Gemadept Việt Nam</i>		
Doanh thu dịch vụ	28.506.521.651	16.561.494.782
Chi phí dịch vụ	80.000.000	332.096.000
Lợi nhuận được chia	-	2.479.549.578
Chuyển tiền góp vốn	-	5.110.700.000
<i>Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Việt Nam</i>		
Doanh thu dịch vụ	4.780.539.572	14.287.883.159
Chi hộ	-	6.229.000
<i>Công ty cổ phần hàng hóa dịch vụ Sài Gòn</i>		
Chi phí dịch vụ	467.670.261	313.152.190
Góp vốn đầu tư	-	55.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link		
Vay ngắn hạn	-	224.983.141.516
Doanh thu cho thuê văn phòng	232.630.876	1.554.367.247
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu		
Lợi nhuận được chia	1.253.460.000	1.735.560.000
Công ty TNHH Golden Globe		
Góp vốn đầu tư	38.127.720.000	2.139.087.500
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực		
Chi phí dịch vụ	827.600.454	2.257.818.178
Cổ tức được chia	893.700.000	-
Công ty cổ phần liên hợp thực phẩm		
Cổ tức được chia	159.289.000	-
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm		
Cho mượn tiền	10.000.000.000	-
Góp vốn	290.000.000	-
Công ty TNHH tiếp vận "K" Line - Gemadept		
Góp vốn đầu tư	1.000.000.000	-
Chi hộ	126.897.000	-

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH OOCL Logistics Việt Nam		
Phải thu khách hàng	1.609.739.811	-
Công ty TNHH Molenbergnatie - Gemadept Việt Nam		
Phải thu khách hàng	1.762.632.876	-
Công ty TNHH thương mại Quả cầu vàng		
Phải thu khác	300.000.000	300.000.000
Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Việt Nam		
Phải thu khách hàng	-	2.623.518.487
Phải thu khác	-	20.860.000
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link		
Phải thu khách hàng	-	269.881.373
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực		
Cổ tức được chia	893.700.000	-
Công ty cổ phần dịch vụ Minh Đạm		
Phải thu khác	10.000.000.000	-
Công ty TNHH tiếp vận "K" Line - Gemadept		
Phải thu các khoản chi hộ	126.897.000	-
Cộng nợ phải thu	14.692.969.687	3.214.259.860

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty TNHH Molenbergnatie - Gemadept Việt Nam</i>		
Phải trả người bán	-	191.999.999
<i>Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực</i>		
Phải trả người bán	732.827.500	360.000.000
<i>Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link</i>		
Vay ngắn hạn	229.655.634.780	226.633.566.883
Công nợ phải trả	<u>230.015.634.780</u>	<u>227.185.566.882</u>

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo loại hình dịch vụ.

Lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực khai thác cảng: Bao gồm dịch vụ liên quan đến khai thác cảng.
- Lĩnh vực logistics: Bao gồm dịch vụ vận tải, cho thuê các phương tiện vận tải, dịch vụ đại lý...
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản: Cho thuê tòa nhà Lê Thánh Tôn. Tập đoàn cũng đang đầu tư vào tòa nhà phức hợp tại Lào.
- Trồng cao su: Bao gồm các hoạt động trồng cao su tại Campuchia.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn được trình bày ở Phụ lục 04 đính kèm.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn được phân bố chủ yếu ở trong nước và nước ngoài (các nước Đông Nam Á).

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Trong nước	2.587.096.790.613	2.071.488.051.452
Nước ngoài	425.507.702.950	453.649.533.773
Cộng	<u>3.012.604.511.563</u>	<u>2.525.137.585.225</u>

Chi tiết về chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và tài sản bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản như sau:

	Chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		Tài sản bộ phận	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trong nước	322.887.845.854	652.015.016.814	4.455.732.833.551	4.308.616.853.668
Nước ngoài	279.666.625.454	200.423.129.011	1.419.447.547.818	906.012.189.472
Cộng	<u>602.554.471.308</u>	<u>852.438.145.825</u>	<u>5.875.180.381.369</u>	<u>5.214.629.043.140</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Số liệu so sánh

Tập đoàn trình bày lại quyền thuê đất trong 70 năm từ chi tiêu “Chi phí trả trước dài hạn” sang chi tiêu “Tài sản cố định vô hình” và chi phí thuê đất giai đoạn từ năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 từ chi tiêu “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước” sang chi tiêu “Phải trả dài hạn khác” của Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương và Công ty cổ phần hoa sen Thái Bình Dương tại Campuchia. Ảnh hưởng của việc trình bày này đến số liệu so sánh của năm trước như sau:

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm trước	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Bảng cân đối kế toán hợp nhất				
Tài sản dài hạn	200	5.326.056.955.599	(17.135.115.891)	5.308.921.839.708
Tài sản cố định	220	2.824.452.939.351	165.080.625.916	2.989.533.565.267
Tài sản cố định vô hình	227	111.841.469.553	165.080.625.916	276.922.095.469
Nguyên giá	228	123.324.240.010	171.351.073.728	294.675.313.738
Giá trị hao mòn lũy kế	229	(11.482.770.457)	(6.270.447.812)	(17.753.218.269)
Tài sản dài hạn khác	260	430.879.507.099	(182.215.741.806)	248.663.765.293
Chi phí trả trước dài hạn	261	358.874.017.070	(182.215.741.806)	176.658.275.264
Tổng tài sản	270	7.626.046.304.602	(17.135.115.890)	7.608.911.188.712
Nợ phải trả	300	2.705.340.977.308	(17.135.115.889)	2.688.205.861.419
Nợ ngắn hạn	310	1.141.306.513.482	(47.021.178.918)	1.094.285.334.564
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	80.607.102.460	(29.886.063.029)	50.721.039.431
Chi phí phải trả	316	93.637.612.883	(17.135.115.890)	76.502.496.993
Nợ dài hạn	330	1.564.034.463.826	29.886.063.029	1.593.920.526.855
Phải trả dài hạn khác	333	21.534.370.224	29.886.063.029	51.420.433.253
Tổng nguồn vốn	440	7.626.046.304.602	(17.135.115.890)	7.608.911.188.712
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất				
Khấu hao tài sản cố định	02	245.075.811.481	2.658.696.118	247.734.507.599
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	405.151.859.404	2.658.696.118	407.810.555.522
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	7.202.734.617	86.991.296.682	94.194.031.299
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	312.300.818.083	89.649.992.800	401.950.810.883
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(665.968.943.059)	(89.649.992.800)	(755.618.935.859)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(726.350.745.067)	(89.649.992.800)	(816.000.737.867)

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Thuê hoạt động

Các hợp đồng đi thuê

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động sẽ được thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	35.525.774.291	37.788.186.599
Trên 1 năm đến 5 năm	2.056.428.573	37.547.738.864
Cộng	<u>37.582.202.864</u>	<u>75.335.925.463</u>

Tập đoàn thuê một số kho bãi và văn phòng dưới hình thức thuê hoạt động. Chi phí thuê được điều chỉnh tăng lên hàng năm theo giá thuê trên thị trường.

Các hợp đồng cho thuê

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	-	31.887.379.416
Trên 01 năm đến 05 năm	-	30.051.099.187
Cộng	<u>-</u>	<u>61.938.478.603</u>

5. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban điều hành các công ty trong Tập đoàn chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Quản lý rủi ro và Phòng Kế toán, Phòng Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban điều hành các công ty trong Tập đoàn phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu khác.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng và các công ty chứng khoán trong nước. Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Gemadept không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

01
i TY
HỮU
ATU
C
HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản phải thu khác

Các khoản phải thu khác chủ yếu là các khoản chi hộ để thực hiện dịch vụ đại lý, các công ty có liên quan, phải thu cổ tức hoặc lợi nhuận được chia và các khoản góp vốn hợp tác thực hiện các dự án. Các đơn vị này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản phải thu này là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.6 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	943.317.929.162	-	-	943.317.929.162
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000
Phải thu khách hàng	351.583.701.410	11.000.000.000	9.924.585.691	372.508.287.101
Các khoản cho vay	71.824.320.000	-	-	71.824.320.000
Các khoản phải thu khác	748.853.328.276	-	-	748.853.328.276
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	107.795.025.558	-	797.855.594.680	905.650.620.238
Cộng	2.233.374.304.406	11.000.000.000	807.780.180.371	3.052.154.484.777
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	470.211.689.829	-	-	470.211.689.829
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	10.372.256.203	-	-	10.372.256.203
Phải thu khách hàng	267.203.747.065	21.115.000.000	14.887.716.387	303.206.463.452
Các khoản cho vay	22.000.000.000	-	-	22.000.000.000
Các khoản phải thu khác	633.260.557.312	-	-	633.260.557.312
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	70.160.009.600	-	833.531.899.330	903.691.908.930
Cộng	1.473.208.260.009	21.115.000.000	848.419.615.717	2.342.742.875.726

Thời gian quá hạn của khoản phải thu khách hàng đã quá hạn nhưng không giảm giá là trên 3 năm.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yếu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 01 năm trở xuống</u>	<u>Trên 01 năm đến 05 năm</u>	<u>Trên 05 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Vay và nợ	407.459.005.056	1.408.740.766.318	71.578.934.593	1.887.778.705.967
Phải trả người bán	358.990.957.570	-	-	358.990.957.570
Các khoản phải trả khác	289.744.691.583	44.120.963.909	-	333.865.655.492
Cộng	1.056.194.654.209	1.452.861.730.227	71.578.934.593	2.580.635.319.029
Số đầu năm				
Vay và nợ	515.498.682.855	1.268.867.777.909	-	1.784.366.460.764
Phải trả người bán	292.574.815.239	-	-	292.574.815.239
Các khoản phải trả khác	197.926.723.803	21.534.370.224	-	219.461.094.027
Cộng	1.006.000.221.897	1.290.402.148.133	-	2.296.402.370.030

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Gemadept cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro về giá nhiên liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn cung cấp và mua các dịch vụ với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD, EUR, SGD, MYR, JPY và HKD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn được trình bày ở Phụ lục 05 đính kèm.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 02% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 15.575.077.965 VND (năm trước giảm/tăng 11.347.993.771 VND).

Rủi ro do biến động của tỷ giá hối đoái giữa VND và EUR, SGD, MYR, JPY, HKD đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể do tài sản/nợ phải trả thuần của các ngoại tệ này có giá trị nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tập đoàn như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	USD	VND	USD
Vay và nợ	(407.081.241.177)	(10.069.575,48)	(736.059.656.514)	(12.801.937,90)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 02% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 6.350.467.362 VND (năm trước sẽ giảm/tăng 11.040.894.848 VND).

Tập đoàn đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất của các khoản vay USD có lãi suất thả nổi đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Tập đoàn nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu giá các chứng khoán Tập đoàn đang đầu tư tăng 5% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tập đoàn sẽ tăng 4.349.676.439 VND (năm trước sẽ tăng 6.809.260.123 VND) và nếu giá các chứng khoán Tập đoàn đang đầu tư giảm 5% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tập đoàn sẽ giảm 4.349.676.439 VND (năm trước sẽ giảm 6.898.696.453 VND).

Rủi ro về giá nhiên liệu

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá nhiên liệu. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá nhiên liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua nhiên liệu và thực hiện các nghiệp vụ hedging giá dầu một cách hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Giá trị sổ sách của các tài sản tài chính thế chấp cho đơn vị khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản tiền và tương đương tiền	-	482.159.237
Phải thu khách hàng	-	23.000.000.000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	99.588.900.400	119.273.059.440
Cộng	99.588.900.400	142.755.218.677

Tập đoàn sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Tập đoàn không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

6. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	943.317.929.162	-	470.211.689.829	-	943.317.929.162	470.211.689.829
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	10.000.000.000	-	10.372.256.203	-	10.000.000.000	10.372.256.203
Phải thu khách hàng	372.508.287.101	(37.226.704.848)	303.206.463.452	(14.598.999.848)	335.281.582.253	288.607.463.604
Các khoản cho vay	71.824.320.000	-	22.000.000.000	-	71.824.320.000	22.000.000.000
Các khoản phải thu khác	748.853.328.276	-	633.260.557.312	-	748.853.328.276	633.260.557.312
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	905.650.620.238	(230.886.803.139)	903.691.908.930	(159.269.639.928)	674.763.817.099	744.422.269.002
Cộng	3.052.154.484.777	(268.113.507.987)	2.342.742.875.726	(173.868.639.776)	2.784.040.976.790	2.168.874.235.950

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	Vay và nợ	1.887.778.705.967	1.784.366.460.764	1.887.778.705.967
Phải trả người bán	358.990.957.570	292.574.815.239	358.990.957.570	292.574.815.239
Các khoản phải trả khác	333.865.655.492	219.461.094.027	333.865.655.494	219.461.094.027
Cộng	2.580.635.319.030	2.296.402.370.030	2.580.635.319.031	2.283.101.088.648

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thành Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khác, vay và các khoản phải trả khác dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2015

Trương Như Nguyễn
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thanh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BAO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục 01: Tàng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quan lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá							
Số đầu năm	941.005.203,761	462.944.941,143	1.821.973.994,603	14.938.759,020	788.269,248	3.241.651.167,775	
Tăng trong năm	192.449.058,198	194.138.251,721	33.378.856,599	1.930.430,998	1.036.363,092	422.952.960,608	
Mua năm mới	1.595.498,914	5.696.389,628	19.387.398,225	1.212.360,199	-	27.891.666,966	
<i>Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành</i>	190.246.421,554	187.683.321,305	13.853.665,809	399.636,936	-	392.183.063,604	
<i>Tăng do phân loại lại tài sản</i>	480.141,116	730.095,358	-	322.778,472	1.036.363,092	2.509.377,778	
<i>Tăng do chỉnh lịch ty giữ</i>	126.996,614	28.445,630	137.792,565	15.615,431	-	308.850,260	
Giảm trong năm	(46.194.295)	(11.836.372,831)	(25.768.938,087)	(528.486,378)	(42.458,598)	(38.222.450,189)	
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	(46.194,295)	(3.477.892,471)	(3.833.004,212)	(633.290,116)	-	(9.384.766,375)	
<i>Giảm do thanh toán công ty con</i>	(5.456.173,406)	(424.575,856)	(120.000,000)	-	-	(6.000.749,262)	
<i>Giảm do phân loại lại tài sản</i>	3.456.173,406	(5.793.662,873)	(2.103.148,570)	(126.739,741)	-	(2.569.377,778)	
<i>Giảm do chỉnh lịch ty giữ</i>	(46.194,295)	(10.441,865)	(19.678.258,487)	(124.367,341)	(42.458,598)	(19.855.526,291)	
Giảm khác	(46.194,295)	(127.799,990)	(13.926,818)	(224.089,180)	-	(412.010,283)	
Số cuối năm	1.133.408.067,664	645.246.820,033	1.829.883.913,115	16.369.703,640	1.782.173,742	3.626.381.678,194	
<i>Trong đó:</i>							
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	8.993.131,551	117.256.541,393	219.694.425,724	10.944.262,014	-	356.888.360,682	
Giá trị hao mòn							
Số đầu năm	116.632.671,688	220.798.463,791	860.744.329,201	13.123.309,275	594.974,979	1.211.893.748,934	
Tăng trong năm	65.965.466,479	43.751.859,591	125.164.704,866	1.715.181,623	861.685,660	237.458.898,219	
<i>Khấu hao trong năm</i>	65.697.350,391	43.704.837,205	125.238.723,693	1.380.764,902	263.389,001	236.285.067,192	
<i>Tăng do phân loại lại tài sản</i>	249.390,880	30.560,001	-	325.955,864	598.296,659	1.204.203,404	
<i>Tăng do chỉnh lịch ty giữ</i>	18.725,208	16.462,285	(74.020,827)	8.460,857	-	(30.372,377)	
Giảm trong năm	(22.149,544)	(11.292.705,055)	(14.475.145,330)	(428.276,700)	(32.047,176)	(26.250.323,805)	
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	(22.149,544)	(5.416.020,960)	(3.034.621,356)	(633.290,116)	-	(8.503.932,432)	
<i>Giảm do thanh toán công ty con</i>	(5.280,370,181)	(71.139,933)	-	-	-	(5.351.710,114)	
<i>Giảm do phân loại lại tài sản</i>	5.280,370,181	(5.689,976,230)	(14.475,145,330)	(147.044,903)	-	(1.204.203,404)	
<i>Giảm do chỉnh lịch ty giữ</i>	-	(10.441,865)	(10.779,518,391)	(101.075,583)	(62.047,176)	(10.923.083,215)	
Giảm khác	(22.149,544)	(105.126,067)	(13.252,931)	(126.866,098)	-	(267.392,640)	
Số cuối năm	182.575.988,623	253.257.618,327	971.433.888,737	14.410.214,198	1.424.613,463	1.423.102.323,348	
Giá trị còn lại							
Số đầu năm	824.372.532,073	242.146.477,352	961.229.665,402	1.815.449,745	193.294,269	2.029.757.418,841	
Số cuối kỳ	950.832.079,041	391.989.201,706	858.150.024,376	1.950.489,443	357.560,279	2.203.279.354,846	
<i>Trong đó:</i>							
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-	
Dang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-	

Tam thời chưa sử dụng
Dang chờ thanh lý

Nguyễn Như Nguyễn

Trưởng Như Nguyễn
Người lập biểu



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

ngày 20 tháng 3 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thành Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BAO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục 02: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Phân loại trình bày	Tăng do chênh lệch tỷ giá	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Giảm khác	Đơn vị tính: VND
							Số cuối năm
+ Mua sắm TSCĐ	111.336.410.460	36.643.675.498	(70.454.100.859)	-	(9.974.618.180)	(123.270.000)	67.428.096.919
+ NDCB dở dang	571.517.640.497	508.993.460.028	70.454.100.859	6.623.188.546	(384.735.608.934)	(40.899.735.100)	731.953.045.896
- Công trình chuyển vào Công PTC	2.037.303.684	-	-	-	-	-	2.037.303.684
- Công trình dở dở Công PTC	958.396.104	-	-	-	-	-	958.396.104
- Công trình đầu tư của Bạch Châu	51.865.085.825	-	-	-	-	-	51.865.085.825
- Dự án trồng cao su của Pacific Pearl	239.330.848.413	177.269.547.672	-	3.194.047.738	(40.019.275.152)	(33.606.434.058)	346.368.734.633
- Dự án trồng cao su của Pacific Lotus	257.101.106.859	96.164.792.148	-	3.429.140.788	(26.051.539.690)	-	330.643.480.105
- Dự án công Nam Hat Đình Vu	19.944.854.067	228.013.936.331	70.454.100.859	-	(317.875.597.488)	(6.537.293.769)	-
- Phí tham định đất đai	60.045.545	-	-	-	-	-	60.045.545
- Bỏ xung phao neo (tổng 70.000 DWT) và neo với khu nước đầu tư	-	5.758.350.986	-	-	(5.758.350.986)	-	-
- Hệ thống bãi số 2	-	824.763.718	-	-	(824.763.718)	-	-
- Chi phí lắp đặt nĩa thổi	-	756.007.273	-	-	-	(756.007.273)	-
- Công trình thi công và lắp đặt công cảng Bình Dương	-	206.061.900	-	-	(206.061.900)	-	-
Cộng	682.854.050.957	545.637.135.526	-	6.623.188.546	(394.710.227.114)	(41.023.005.100)	799.381.142.815

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2015



Nguyễn Minh Nguyệt
 Nguyễn Minh Nguyệt
 Kế toán trưởng

Đỗ Văn Minh
 Đỗ Văn Minh
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thanh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BAO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục 03: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hội đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ đự phòng tài chính	Quỹ khắc thuế vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng	Đơn vị tính: VND
Số dư đầu năm trước	1.094.473.090.000	2.471.474.474.400	71.797.775.902	22.725.336.908	4.511.710.558	29.429.404.912	32.384.254.624	666.735.460.345	4.393.531.507.651	
Tăng vốn trong năm trước	49.743.600.000	-	-	-	-	-	-	-	49.743.600.000	
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	192.202.696.853	192.202.696.853	
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	-	654.235.409	5.187.493.887	10.372.506.624 (3.000.000.000)	(29.358.813.538)	(13.144.577.558)	
Chi quỹ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	(3.000.000.000)	
Chưa có tác trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	(114.421.669.000)	(114.421.669.000)	
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	1.725.801.331	-	-	-	-	1.725.801.331	
Tăng khác	-	-	-	-	2.067.172.628	165.000.000	-	-	2.232.172.628	
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	(24.544.240.304)	(24.544.240.304)	
Số dư cuối năm trước	1.144.216.690.000	2.471.474.474.400	71.797.775.902	24.450.838.239	7.233.118.655	34.781.898.799	39.756.761.249	690.613.404.356	4.484.324.961.601	
Số dư đầu năm nay	1.144.216.690.000	2.471.474.474.400	71.797.775.902	24.450.838.239	7.233.118.655	34.781.898.799	39.756.761.249	690.613.404.356	4.484.324.961.601	
Tăng vốn trong năm nay	17.163.250.000	-	-	-	-	-	-	-	17.163.250.000	
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	539.959.189.701	539.959.189.701	
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	-	-	701.627.154	10.197.593.213	15.718.838.705 (3.000.000.000)	(47.929.042.417)	(21.310.983.345)	
Chi quỹ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-	(3.000.000.000)	
Chưa có tác trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	(139.365.592.800)	(139.365.592.800)	
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	13.748.864.116	(1.333.489.968)	(80.850.000)	-	-	13.748.864.116	
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	2.081.624.551	667.284.583	
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	(5.205.866.025)	(5.205.866.025)	
Số dư cuối năm nay	1.161.379.940.000	2.471.474.474.400	71.797.775.902	38.199.702.355	6.601.255.841	44.898.642.012	52.475.599.954	1.031.153.717.365	4.877.981.107.830	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2015



Nguyễn Minh Nguyệt
 Nguyễn Minh Nguyệt
 Kế toán trưởng

Trương Như Nguyễn
 Trương Như Nguyễn
 Người lập biểu

Đỗ Văn Minh
 Đỗ Văn Minh
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BẢO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục 04: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

Năm nay	Lĩnh vực khai thác cảng	Lĩnh vực logistics	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực trồng cao su	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Đơn vị tính: VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.096.843.545.943	1.874.897.685.782	40.863.279.838	-	-	-	3.012.604.511.564
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	357.646.273.973	293.257.956.342	9.368.091.418	-	-	(660.212.321.733)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.454.489.819.916	2.168.155.642.124	50.171.371.256	-	-	(660.212.321.733)	3.012.604.511.563
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	323.119.118.857	33.237.513.945	23.913.537.277	(11.001.651.112)	-	(12.080.881.930)	357.187.637.037
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận							(44.330.243.322)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh							312.857.393.715
Doanh thu hoạt động tài chính							665.082.880.451
Chi phí tài chính							(251.224.764.878)
Thu nhập khác							18.722.436.330
Chi phí khác							(69.627.692.487)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh							25.278.290.198
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành							(110.515.706.224)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại							(25.640.598.240)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(7.047.039.311)	28.367.544.008	2.150.072.955	-	1.807.712.546	-	564.932.218.864
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	265.033.029.299	57.549.175.447	305.641.108	279.666.625.454	-	-	602.554.471.508
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	123.641.944.677	114.345.797.444	6.179.248.302	17.438.231.604	-	-	261.605.222.027
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	22.721.638.803	-	-	-	-	22.721.638.803

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục 04: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Lĩnh vực khai thác cảng	Lĩnh vực logistics	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực trồng cao su	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm trước							
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	737.240.181.100	1.702.816.812.400	85.080.591.725	-	-	-	2.525.137.585.225
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	299.092.318.594	259.909.803.713	738.153.231	-	(559.740.275.538)	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.036.332.499.694	1.962.726.616.113	85.818.744.956	-	(559.740.275.538)	-	2.525.137.585.225
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	171.626.494.638	24.976.456.687	50.035.372.951	(19.334.593.480)	(1.697.431.527)	-	225.606.299.269
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận							(37.141.854.119)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh							188.464.445.150
Doanh thu hoạt động tài chính							185.165.382.746
Chi phí tài chính							(185.090.837.398)
Thu nhập khác							43.505.248.718
Chi phí khác							(27.539.088.997)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh							1.033.463.638
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(10.983.389.792)	9.755.451.447	2.093.624.715	-	167.377.268	-	(60.433.335.047)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại							58.846.585.446
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp							203.951.864.256
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	619.903.809.602	31.496.843.643	-	201.037.492.580	-	-	852.438.145.825
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	77.447.767.464	126.144.309.494	12.057.825.638	6.896.121.212	-	-	222.546.023.808
Tổng giá trị các khoản chi phí (lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	129.310.687	1.047.812.530	-	-	-	-	1.177.123.217

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục 04: Thông tin bổ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực khai thác cảng	Lĩnh vực logistics	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực trồng cao su	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Đơn vị tính: VND
Số cuối năm							Cộng
Tài sản trực tiếp của bộ phận	2.064.299.304.057	2.242.000.372.773	10.858.093.113	1.558.022.611.426	-	-	5.875.180.381.369
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận							2.304.602.101.560
Tổng tài sản							8.179.782.482.929
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	841.795.235.103	1.602.429.338.340	213.269.856	245.692.213.390	-	-	2.690.130.056.689
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận							270.589.848.961
Tổng nợ phải trả							2.960.719.905.650
Số đầu năm							
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.840.085.403.350	2.041.692.064.712	273.825.896.064	1.059.025.679.015	-	-	5.214.629.043.140
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận							2.394.282.145.572
Tổng tài sản							7.608.911.188.712
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	702.927.415.383	1.572.539.579.736	25.674.255.442	132.415.512.665	-	-	2.433.556.763.226
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận							254.649.098.193
Tổng nợ phải trả							2.688.205.861.419

Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2015



Nguyễn Minh Nguyệt

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng

Trương Như Nguyễn

Trương Như Nguyễn
Người lập biểu

Hồ Văn Minh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chịu trách nhiệm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục 05: Tài sản (Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ

Tài sản (Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

	Số cuối năm					Số đầu năm						
	USD	EUR	SGD	MYR	JPY	HKD	USD	EUR	SGD	MYR	JPY	HKD
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.984.013,22	1.182.998,27	401.111,00	320.561,00	-	-	3.817.410,96	934,81	30.077,11	487.312,61	-	-
Các khoản đầu tư sẵn sàng để nhận	-	-	-	-	-	-	21.078,13	-	-	-	-	-
Phải thu khách hàng	6.349.390,52	-	-	-	-	-	3.470.747,72	-	161.083,12	183.409,71	-	1.186.740,19
Các khoản cho vay	13.916.991,63	-	8.608.648,82	2.705.892,02	-	1.763.841,22	-	-	-	-	-	-
Các khoản phải thu khác	(62.779.697,55)	-	-	3.149.877,98	-	100.000,00	15.789.809,39	-	1.054,00	915.159,08	-	-
V nợ và nợ	(3.423.745,51)	-	(140,40)	(2.867.662,00)	-	-	(49.556.627,17)	-	(380.901,81)	(617.528,64)	-	(12.290)
Phải trả người bán	(5.001.971,66)	-	(9.623,00)	(133.297,00)	-	(18.656,00)	(4.152.287,79)	(1.721,40)	(121.510,00)	(342.814,00)	-	-
Các khoản phải trả khác	-	-	-	-	-	-	(35.900.579,80)	-	(310.197,58)	625.538,77	-	(1.257.092,30)
Tài sản (Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(46.754.820,25)	1.182.998,27	9.000.196,42	3.175.371,00	-	1.845.185,22	(35.900.579,80)	934,81	(310.197,58)	625.538,77	(1.257.092,30)	1.174.445,71

Ngày 20 tháng 3 năm 2015



Nguyễn Minh Nguyệt
 Nguyễn Minh Nguyệt
 Kế toán Trưởng

Trương Như Nguyễn
 Trương Như Nguyễn
 Người lập biểu

